DANH MỤ

Gói thầu mua sắm Vật

(Đính kèm Quyết định số: 490 /Q

STT	STT trong Hồ sơ mời	MÃ MỚI	TÊN HÀNG HÓA	TÊN THƯƠNG MẠI
(1)	(2)	(5)	(3)	(4)
2	**CÔNG TY TNHH TM THIẾT BỊ Y TẾ AN LỢI**			
Nhóm 16. Giấy				
1	479	160GI001	Giấy in tương thích máy monitor huntleigh đơn thai 152mm*150mm	Giấy in monitor HUNTLEIGH đơn thai 152mm*150mm
2	481	160GI002	Giấy in tương thích máy monitor huntleigh song thai. Kích thước: 143mm*150mm	Giấy in tương thích máy monitor huntleigh song thai. Kichs thước 143mm*150mm
3	484	160GI003	Giấy in tương thích máy monitor sản TOITU 152mm*150mm	Giấy in monitor HUNTLEIGH đơn thai 152mm*150mm
TỔNG CỘNG				
3	**CÔNG TY TNHH XNK TM TỔNG HỢP AN PHÚ MỸ**			
Nhóm 15. Vật tư y tế tiêu hao kỹ thuật cao (Nhóm 15: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
1	464	150BO001	Bóng khởi phát chuyển dạ	Bóng khởi phát chuyển dạ
Nhóm 16. Giấy				
2	467	160BO001	Bộ khăn phẫu thuật lấy thai có kèm túi dịch 270 độ và màng phẫu thuật toàn bộ phẫu trường	Bộ khăn phẫu thuật lấy thai có kèm túi dịch 270 độ và màng phẫu thuật toàn bộ phẫu trường
Nhóm 17. Vật tư tiêu hao; Y dụng cụ khác (Nộp Catalog tô bút dạ quang lên sản phẩm dự thầu)				
3	524	170KE001	Kềm heaney	Kìm kẹp cầm máu Heaney có răng, cong dài 195mm
TỔNG CỘNG				
4	**CÔNG TY TNHH TM ÁNH SÁNG XANH**			
Nhóm 13.Vật tư tiêu hao sử dụng theo máy niệu động học, tập phục hồi sàn chậu				
1	341	130ON001	Bóng trực tràng cỡ 9F	Abdominal Pressure catheter 9F
2	342	130DA001	Đầu dò âm đạo	Vaginal Classic Probe
3	343	130DA002	Dây nối TUB 101 Intefeace	Urodynamics Measurement Tubing
4	344	130DI001	Đĩa áp lực	Transducer cartridge with luer lock
5	345	130DI002	Điện cực sử dụng cơ khung xương chậu và ổ bụng	Stimulation Electrodes
6	347	130ON002	Ống đo áp lực trong bàng quang 6F	Dual Lumen Catheter 6F/7F
TỔNG CỘNG				
5	**CÔNG TY CỔ PHẦN TBYT BÁCH VIỆT**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	143	075SO001	Sonde Double JJ	Sonde JJ
TỔNG CỘNG				

6	**CÔNG TY CP TBYT BẢO THẠCH**			
Nhóm 1. Bông, rửa vết thương				
1	1	011BO001	Bông gòn hút nước	Bông y tế 1kg
2	4	011GO001	Gòn chích tiệt trùng 3*3	Bông y tế tiệt trùng 3cm x 3cm
3	11	011TA005	Tăm bông xét nghiệm nhựa 15cm, một đầu gòn lớn	Que gòn tiệt trùng
4	12	011TA002	Tampon (gạc cầu) tiệt trùng đường kính 3 cm, đuôi dây dài 15 cm	Tăm bông (Tampon) tiệt trùng, đường kính 3cm
5	13	011TA003	Tampon (gạc cầu) tiệt trùng đường kính 5 cm, đuôi dây dài 15 cm	Tăm bông (Tampon) tiệt trùng, đường kính 5cm
Nhóm 16. Giấy				
6	488	160KH004	Khăn trải có lỗ	Săng mổ tiệt trùng 30cm x 30cm có lỗ
7	491	160KH001	Khẩu trang có than hoạt tính	Khẩu trang than hoạt tính
TỔNG CỘNG				
8	**CÔNG TY TNHH Y TẾ BÌNH MINH**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	45	031BO001	Bơm tiêm 50ml không kim, tương thích vói máy bơm tiêm tự động	Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
2	114	043DA002	Dây nối máy bơm tiêm 140cm	Dây nối bơm tiêm điện 140cm
3	118	041DA005	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ
4	120	041DA003	Dây thông tiểu ba nhánh các số	Sonde foley 3 nhánh các số
5	126	035KH001	Khóa 3 chia có dây 25 cm	Khóa 3 chạc có dây dài 25cm
Nhóm 14. Y dụng cụ tương thích với máy Karl Storz (Nhóm 14: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
6	359	140DI001	Điện cực cắt đốt, cỡ 24Fr, dạng vòng cắt (Cutting loop), loại một chân	Lưỡi dao cắt đốt tiền liệt tuyến
7	360	140DI002	Điện cực đốt đầu hình banh đường kính 5mm, cỡ 24Fr, đầu cắm 01 chân	Lưỡi dao đốt tiền liệt tuyến
TỔNG CỘNG				
10	**CÔNG TY TNHH C.P.V**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	101	043DA003	Bộ dây thở silicone sơ sinh	Bộ dây thở silicone sơ sinh
Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị				
2	210	090BO001	Bộ cảm biến lưu lượng (Neonat Flow sensor Insert 5x)	Bộ cảm biếng lưu lượng (Neonat Flow sensor Insert 5x)
3	222	080LO001	Lọc khuẩn thở ra dùng nhiều lần tương thích máy Esprit	Lọc khuẩn thở ra dùng nhiều lần tương thích máy Esprit

4	239	080SE002	Sensor SpO2 tương thích với máy đo oxy bão hòa của hãng NELLCOR (người lớn- loại dùng nhiều lần)	Sensor SpO2 tương thích với máy đo oxy bão hòa của hãng NELLCOR (người lớn- loại dùng nhiều lần)
5	240	080SE003	Sensor SpO2 tương thích với máy đo oxy bão hòa của hãng PHILIP model MP20 (sơ sinh- loại dùng nhiều lần)	Sensor SpO2 tương thích với máy đo oxy bão hòa của hãng PHILIP model MP20 (sơ sinh- loại dùng nhiều lần)
TỔNG CỘNG				
11	**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	61	036GA005	Găng tay các số chưa tiệt trùng (dùng trong thăm dò chức năng, xét nghiệm)	Găng tay phẫu thuật (chưa tiệt trùng y tế hộp) các size
2	66	036GA003	Găng tay y tế dài tiệt trùng	Găng y tế sản
TỔNG CỘNG				
12	**CỬA HÀNG DỤNG CỤ Y KHOA SỐ 9**			
Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa				
1	179	070PH001	Phim khô laser 20cm x 25cm	Phim khô laser DI-HL 20x25 cm
2	180	070PH002	Phim khô laser 26cm x 36cm	Phim khô laser DI-HL 26x36 cm
3	181	070PH003	Phim khô laser 35cm x 43cm	Phim khô laser DI-HL 35x43 cm
TỔNG CỘNG				
13	**CÔNG TY CP DP TW CODUPHA**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	64	036GA004	Găng tay chưa tiệt trùng, không bột	Găng tay y tế INNOQ, chất liệu cao su tự nhiên
2	87	037TU002	Túi dẹp 100mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép tiệt trùng dẹp dạng cuộn 100mmx200m
3	89	037TU003	Túi dẹp 200mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép tiệt trùng dẹp dạng cuộn 200mmx200m
Nhóm 16. Giấy				
4	465	160AO001	Áo giấy	Áo giấy thăm bệnh
TỔNG CỘNG				
14	**CÔNG TY CP XNK CÔNG NGHỆ XANH**			
Nhóm 15. Vật tư y tế tiêu hao kỹ thuật cao (Nhóm 15: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
1	455	053DA002	Dao mổ mở siêu âm Harmonic focus	Harmonic FOCUS+ Shears (Dao siêu âm mổ mở Harmonic Focus +)
2	456	053DA003	Dao mổ siêu âm nội soi	Harmonic ACE+ Shears (Dao siêu âm Harmonic ACE+)
TỔNG CỘNG				
15	**CÔNG TY TNHH CHỈ PHẪU THUẬT CPT**			
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
1	148	052CH001	Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi polyester số 0, không kim	Chỉ Protibond (Polyester) số 0, không kim, 10 sợi x 45 cm

2	149	052CH002	Chỉ nylon số 0, kim tam giác	Chỉ Carelon (Nylon) số 0, dài 100 cm, kim tam giác dài 40 mm
3	150	052CH003	Chỉ nylon 3/0 , kim tam giác	Chỉ Carelon (Nylon) số 3/0, dài 75cm, kim tam giác dài 24 mm
4	151	052CH004	Chỉ nylon 4/0 , kim tam giác	Chỉ Carelon (Nylon) số 4/0, dài 75cm, kim tam giác dài 18 mm
5	153	052CH005	Chỉ silk số 3/0, kim tròn	Chỉ Caresilk (Silk) số 3/0, dài 75cm, kim tròn dài 20 mm
6	155	052CH013	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 0 dài 70-100cm, kim tròn 26 mm	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, dài 75cm, kim tròn dài 26-30 mm
7	156	052CH014	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 1 dài 70-100cm, kim tròn 40 mm	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 1, dài 75cm, kim tròn dài 40 mm
8	157	052CH015	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 2 dài 70-100cm, kim tròn 50mm 1/2c	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2, dài 75cm, kim tròn dài 50 mm
9	158	052CH016	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 2/0, dài 70-100cm, kim tròn 30mm	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75cm, kim tròn dài 30 mm
10	159	052CH017	Chỉ tiêu sinh học: Catgut plain số 2/0 dài 70-100cm, kim tròn 36mm	Chỉ Trustigut (N) (Plain Catgut) số 2/0, dài 75cm, kim tròn dài 36 mm
11	164	052CH011	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi tan nhanh số 3/0	Chỉ Caresorb Rapid (Polyglactin 910) số 3/0, dài 75cm, kim tam giác thuận dài 22 mm
TỔNG CỘNG				
16	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	38	031BO012	Bơm tiêm 10ml kim 25	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO
2	39	031BO010	Bơm tiêm 1ml kim 25	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc,kim các cỡ, VIKIMCO
TỔNG CỘNG				
17	**CÔNG TY TNHH DP ĐAN LÊ**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	117	041DA006	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh (XS)	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh (XS)
2	132	042ON003	Ống hút nhớt số 10	Ống hút nhớt số 10
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
3	192	080CA001	Cây đè lưỡi	Cây đè lưỡi
TỔNG CỘNG				
18	**CÔNG TY TNHH TBYT ĐĂNG BẢO**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	86	030TU001	Túi chứa oxy (dùng cho bóp bóng)	Túi dự trữ oxy (ambu)"
TỔNG CỘNG				
19	**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỈNH CAO**			
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
1	152	052CH006	Chỉ silk số 3/0, không kim	Chỉ không tan đa sợi Sterisil (Silk) 3/0, không kim, 12 sợi x 75cm

2	163	052CH010	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi tan nhanh số 2/0	Chỉ tiêu đa sợi tan nhanh I-Col-Fast 2/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C 37mm
Nhóm 15. Vật tư y tế tiêu hao kỹ thuật cao (Nhóm 15: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
3	445	052CH018	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Optime 0, kim tròn 40mm, chỉ dài 90cm
4	446	052CH019	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1 Polyglycolic acid	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Optime 1, kim tròn 40mm, chỉ dài 90cm
5	448	052CH020	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone số 3/0	Chỉ tiêu đơn sợi Advantime 3/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C
6	452	052CH021	Chỉ tiêu tổng hợp polydioxanone số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp Monotime số 3/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 26mm
7	453	052CH022	Chỉ tiêu tổng hợp polydioxanone số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp Monotime số 4/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 20mm
TỔNG CỘNG				
20	**CÔNG TY TNHH TM DỊCH VỤ Y TẾ ĐỊNH GIANG**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	113	043DA004	Dây nối dụng cụ lưỡng cực chuẩn dẹt 2 chấu cắm rời. Tương thích với máy Aesculap hoặc tương đương	Dây nối dụng cụ lưỡng cực chuẩn dẹt 2 chấu cắm rời. Tương thích với máy Aesculap hoặc tương đương, dài 450 cm
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
2	168	053DA004	Dây cắt đốt đơn cực	Tay dao 2 nút bấm, sử dụng 1 lần
3	172	035TA001	Tấm điện cực dán (máy cắt đốt SD 1 lần)	Điện cực dán trung tính Nessy hình omega (có vòng đẳng thế)
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
4	189	080BO002	Bóp bóng giúp thở silicon người lớn	Bóp bóng giúp thở silicon người lớn
5	190	080BO003	Bóp bóng giúp thở silicon trẻ em, sơ sinh	Bóp bóng giúp thở silicon trẻ em, sơ sinh
6	196	080LO002	Lọc vi khuẩn có cổng đo CO2	Lọc vi khuẩn có cổng đo CO2
Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị				
7	208	090BI002	Bình làm ẩm/ấm khí thở không lõi nhôm sơ sinh	Bình làm ẩm/ấm khí thở không lõi nhôm sơ sinh
8	227	090LU001	Lưỡi cong Mac 4	Lưỡi cong Mac 4
Nhóm 14. Y dụng cụ tương thích với máy Karl Storz (Nhóm 14: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
9	354	140DA001	Dây đốt cao tần đơn cực (dùng với điện cực 1 chân cắm)	Dây đốt cao tần đơn cực, chiều dài dây 4.5m
10	357	140DA002	Dây đốt cao tần lưỡng cực sử dụng trong phẫu thuật nội soi buồng tử cung	Dây đốt cao tần lưỡng cực sử dụng trong phẫu thuật nội soi buồng tử cung, dài 450 cm
11	358	140DA003	Dây đốt cao tần lưỡng cực sử dụng trong phẫu thuật nội soi ổ bụng	Dây đốt lưỡng cực bipolar, dài 450 cm
12	404	140RO002	Ron trocar 11mm	Nắp đậy Trocar màu xanh, cho trocar đk 10 --> 11 mm
13	405	140RO001	Ron trocar 6mm	Nắp đậy Trocar màu đỏ, cho trocar đk 5 --> 5.5mm
Nhóm 17. Vật tư tiêu hao; Y dụng cụ khác (Nộp Catalog tô bút dạ quang lên sản phẩm dự thầu)				
14	526	170KE002	Kềm hình tim răng, thẳng dài 220-250mm	Kẹp bông băng Foerster, thẳng, ngàm răng cưa, dài 250 mm
15	528	170KE003	Kềm Kelly cong, dài 160mm	Kẹp mạch máu Crile-Rankin, cong, dài 160 mm
16	530	170KE004	Kềm Kelly thẳng, dài 160mm	Kẹp mạch máu Crile-Rankin, thẳng, dài 160 mm
17	558	080CA002	Cảm biến đo SPO2 cho trẻ em loại cầm tay	Cảm biến đo SPO2 cho trẻ em, sơ sinh, người lớn loại kẹp tai - Earclip
18	572	170NO001	Nong Cổ Tử Cung - Số 3	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 3.0 mm

19	573	170NO002	Nong Cổ Tử Cung - Số 3,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 3.5 mm
20	574	170NO003	Nong Cổ Tử Cung - Số 4	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 4.0 mm
21	575	170NO004	Nong Cổ Tử Cung - Số 4,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 4.5 mm
22	576	170NO005	Nong Cổ Tử Cung - Số 5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 5.0 mm
23	577	170NO006	Nong Cổ Tử Cung - Số 5,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 5.5 mm
24	578	170NO007	Nong Cổ Tử Cung - Số 6	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 6.0 mm
25	579	170NO008	Nong Cổ Tử Cung - Số 6,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 6.5 mm
26	580	170NO009	Nong Cổ Tử Cung - Số 7	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 7.0 mm
27	581	170NO010	Nong Cổ Tử Cung - Số 7,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 7.5 mm
28	582	170NO011	Nong Cổ Tử Cung - Số 8	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 8.0 mm
29	583	170NO012	Nong Cổ Tử Cung - Số 8,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 8.5 mm
30	584	170NO013	Nong Cổ Tử Cung - Số 9	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 9.0 mm
31	585	170NO014	Nong Cổ Tử Cung - Số 9,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 9.5 mm
32	586	170NO015	Nong Cổ Tử Cung - Số 10	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 10.0 mm
33	587	170NO016	Nong Cổ Tử Cung - Số 10,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 10.5 mm
34	588	170NO017	Nong Cổ Tử Cung - Số 11	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 11.0 mm
35	589	170NO018	Nong Cổ Tử Cung - Số 11,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 11.5 mm
36	590	170NO019	Nong Cổ Tử Cung - Số 12	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 12.0 mm
37	591	170NO020	Nong Cổ Tử Cung - Số 12,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 12.5 mm
38	592	170NO021	Nong Cổ Tử Cung - Số 13	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 13.0 mm
39	593	170NO022	Nong Cổ Tử Cung - Số 13,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 13.5 mm
40	594	170NO023	Nong Cổ Tử Cung - Số 14	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 14.0 mm
41	595	170NO024	Nong Cổ Tử Cung - Số 14,5	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 14.5 mm
42	596	170NO025	Nong Cổ Tử Cung - Số 15	Cây nong cổ tử cung Hegar, Ø 15.0 mm
TỔNG CỘNG				
21	**CÔNG TY TNHH TMDV ĐỈNH VIỆT**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	90	037TU004	Túi dẹp 250mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng 250mmx200m
2	91	037TU005	Túi dẹp 300 mm x200m máy ép túi tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng 300mmx200m
3	92	037TU006	Túi dẹp 75mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng 75mmx200m
TỔNG CỘNG				
22	**CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC ÂN**			
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
1	14	021BA001	Băng keo cá nhân	Băng keo cá nhân vải ACE BAND- F 60mm x 19mm

2	16	023BA002	Băng keo có gạc vô trùng 50x70mm	Băng gạc vô trùng YOUNG WOUND DRESSING 6cm x 7cm
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
3	69	032KI007	Kim chích các số	Kim tiêm các số
Nhóm 16. Giấy				
4	478	160GI004	Giấy in tương thích máy siêu âm UPP 110S 110mm*20m	Giấy nhiệt SONIBISHI khổ 110mm x 20m
TỔNG CỘNG				
23	**CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	58	035DA002	Dây truyền máu	Dây truyền máu (tiêu chuẩn Châu Âu)
TỔNG CỘNG				
25	**CÔNG TY CP TTBYT ĐỨC TÍN**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	84	032KI001	Kim sử dụng cho buồng tiêm dưới da	Kim cong cánh bướm
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
2	191	080BU001	Buồng tiêm truyền dưới da	Buồng tiêm truyền dưới da loại plastic, các cỡ
TỔNG CỘNG				
26	**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ EMC**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	42	031BO011	Bơm tiêm 3ml kim 25	Bơm tiêm sử dụng 1 lần có kim 3ml 25G
2	46	031BO008	Bơm tiêm 5ml kim 23	Bơm tiêm sử dụng 1 lần có kim 5ml 23G
TỔNG CỘNG				
28	**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ**			
Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				
1	302	110CA004	Cassette chứa straw	Cassette chứa straw
2	306	110CA005	Catheter bơm tinh trùng vào tử cung IUI (Sperm catheter)	Catheter bơm tinh trùng vào tử cung IUI (Sperm Catheter)
3	314	110DU002	Dụng cụ chứa phôi Cryotop	Dụng cụ chứa phôi Cryotop
4	317	110KI003	Kim chọc hút trứng non	Kim chọc hút trứng non
5	318	110KI002	Kim Holding (tiệt trùng)	Kim Hodling tiệt trùng
TỔNG CỘNG				
29	**CÔNG TY TNHH TTBYT HẢI KHOA**			
Nhóm 14. Y dụng cụ tương thích với máy Karl Storz (Nhóm 14: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
1	348	140BO001	Bóng đèn Xenon 300w	Bóng đèn XENON 300W, 15V, dùng với nguồn sáng lạnh XENON 300W
2	349	140CA001	Cán kềm Robi 5cm	Tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực, không có khoá dùng với dụng cụ cỡ 5 mm, chốt cắm dây cao tần nằm ở phía trên và nghiêng 45 độ
3	350	140CA002	Cây đốt mono lớn	Dụng cụ phẫu tích đốt cầm máu đơn cực, đầu hình móc L, cỡ 5mm, chiều dài 36cm, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực
4	351	140CU001	Cục nối CO2	Ống nối khóa LUER, đường kính 10mm, loại răng trong

5	352	140DA005	Dây cáp quang học, đầu nối thẳng, đường kính 4.8mm, dài 2.5m	Dây cáp quang học, đầu nối thẳng, đường kính 4,8mm, dài 2,5m
6	353	140DA004	Dây cáp quang học	Dây cáp quang học, đầu nối thẳng, đường kính 4,8mm, dài 250cm. Dây dẫn sáng mềm bọc silicone dùng cho nguồn sáng LED, Xenon, Halogen, có thể hấp tiệt trùng được (134 độ C/2.3 bar), chống nước, đặc biệt chống ăn mòn hoá chất và lực căng.
7	355	140DA006	Dây đốt cao tần đơn cực dùng trong phẫu thuật nội soi buồng tử cung	Dây đốt cao tần đơn cực, đầu cắm 4mm, chiều dài 300cm, (Dùng với điện cực 2 chân) dùng trong phẫu thuật nội soi buồng tử cung
8	356	140DA007	Dây đốt cao tần đơn cực dùng trong phẫu thuật nội soi ổ bụng	Dây đốt cao tần đơn cực, đầu cắm 4mm, chiều dài 300cm, dùng trong phẫu thuật nội soi ổ bụng
9	361	140DI003	Điện cực hai chân cắt đốt lưỡng cực, loại vòng cắt, cỡ 24 Fr (Cutting loop, bipolar)	Điện cực hai chân cắt đốt lưỡng cực, loại vòng cắt, cỡ 24 Fr (Cutting loop, bipolar)
10	362	140DI004	Điện cực hai chân đốt cầm máu lưỡng cực, đầu nhọn	Điện cực hai chân đốt cầm máu lưỡng cực, đầu nhọn, cỡ 24 Fr (Coagulating electrode, bipolar, pointed)
11	363	140DI005	Điện cực hai chân đốt cầm máu lưỡng cực, đầu tròn bi, cỡ 24 Fr (Coagulating electrode, bipolar, ball-shaped)	Điện cực hai chân đốt cầm máu lưỡng cực, đầu tròn bi, cỡ 24 Fr (Coagulating electrode, bipolar, ball-shaped)
12	364	140DI006	Điện cực xẻ cổ bàng quang, đầu nhọn, cỡ 24Fr (Cutting loop), đầu cắm 01 chân.	Điện cực xẻ cổ bang quang, đầu nhọn, cỡ 24 Fr (Cutting loop), đầu cắm 01 chân
13	365	140BO002	Bộ đốt lưỡng cực (kẹp đốt, tay cầm, ống vỏ ngoài, ruột đốt) cỡ 2.4mm, dài 24.5cm	Kẹp đốt lưỡng cực dùng với ống soi loại nhỏ, hàm phẳng, rãnh ngang, cỡ 2.4 mm, dài 24,5 cm, gồm có: -Tay cầm với ống vỏ ngoài -Ruột kẹp đốt lưỡng cực, rãnh ngang, dùng 1 lần(05 cái/bao)
14	366	140BO003	Bộ đốt lưỡng cực (kẹp đốt, tay cầm, ống vỏ ngoài, ruột đốt) cỡ 2.4mm, dài 26cm	Kẹp đốt lưỡng cực dùng với Trocar, hàm phẳng, rãnh ngang, cỡ 2.4 mm, dài 26 cm, gồm có: -Tay cầm -Ống vỏ ngoài -Ruột kẹp đốt lưỡng cực, dùng 1 lần (05 cái/bao)
15	367	140BO004	Bộ đốt lưỡng cực (kẹp đốt, tay cầm, ống vỏ ngoài, ruột đốt) cỡ 3mm, dài 24.5cm	Kẹp đốt lưỡng cực dùng với ống soi loại nhỏ, hàm phẳng, rãnh ngang, cỡ 3 mm, dài 24,5 cm, gồm có: -Tay cầm với ống vỏ ngoài -Ruột kẹp đốt lưỡng cực

16	368	140DU001	Dụng cu nâng vòm HOHL dùng trong phẫu thuật nội soi cắt tử cung	Dụng cu nâng vòm HOHL dùng trong phẫu thuật nội soi cắt tử cung, gồm có: -01 Tay cầm (Handle)-01 Thanh ngang cầm nắm (Manipulator Rod) -01 Đầu sứ, đường kính 40 mm, chiều dài 30 mm (Cap)-01 Đầu sứ, đường kính 35 mm, chiều dài 30 mm (Cap)-01 Đầu sứ, đường kính 32 mm, chiều dài 30 mm (Cap)-01 Ruột trong xoắn ốc, đường kính 20 mm (Spiral Insert)-01 Ruột trong xoắn ốc, đường kính 15 mm (Spiral Insert)-01 Ruột trong, đường kính 6 mm, dài 60 mm (Working Insert) -01 Ruột trong, đường kính 6 mm, dài 80 mm (Working Insert)-01 Ruột trong, đường kính 6 mm, dài 100 mm (Working Insert)-01 Khóa cho đầu sứ xoắn ốc (Key)
17	369	140DU002	Dụng cụ phẫu tích đơn cực hình L, cỡ 5 mm, dài 36 cm.	Dụng cụ phẫu tích đơn cực đầu hình L, cỡ 5 mm, dài 36 cm, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (Coagulating and Diseccting Electrode with L-shape)
18	370	140HO001	Hộp bảo quản và khử trùng dụng cụ bằng nhựa	Hộp bảo quản và khử trùng dụng cụ bằng nhựa:Hộp bảo quản và khử trùng dụng cụ bằng nhựa thành có lỗ thông, nắp đậy trong suốt, có 2 tầng, kích thước bên ngoài (dài x rộng x cao): 530 x 250 x 145 mm
19	371	140HO002	Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh dụng cụ, nắp đậy đục lỗ, kích thước: 446 x 90 x 45 mm	Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh dụng cụ, nắp đậy đục lỗ, kích thước : 446 x 90 x 45 mm
20	372	140KE001	Kềm giữ kim KOH hàm cong phải, tay gập góc	Kềm giữ kim KOH-Tay cầm gập góc -Hàm cong phải-Cỡ 5mm-Dài 33cmSử dụng cho phẫu thuật nội soi
21	373	140KE002	Kềm giữ kim KOH hàm cong trái, tay gập góc	Kềm giữ kim KOH-Tay cầm gập góc -Hàm cong trái-Cỡ 5mm-Dài 33cmSử dụng cho phẫu thuật nội soi
22	374	140KE003	Kéo cắt chỉ, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Kéo cắt chỉ (loại Click Line), xoay tròn được (Rotating), cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có :- Tay cầm nhựa không có khoá (without ratchet), có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connecting pin for unipolar coagulation)- Vỏ ngoài cách điện (Insulated)- Ruột kéo cắt chỉ, hàm có móc (Hook)
23	375	140KE004	Kéo phẫu tích cong, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Kéo phẫu tích cong, xoay tròn được, cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có :- Tay cầm nhựa không có khoá, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực - Vỏ ngoài cách điện- Ruột kéo phẫu tích cong có rãnh ngang, lưỡi hình muỗng, hàm dài 17 mm và hàm mở 01 bên

24	376	140KE005	Kéo phẫu tích lưỡng cực METZENBAUM (loại Robi), cỡ 5, dài 36 cm	Kéo phẫu tích lưỡng cực METZENBAUM (loại Robi), xoay tròn được, kiểu CLERMONT-FERRAN, cỡ 5, dài 36 cm, gồm :-Tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực, không có khoá có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connector pin for bipolar coagulation)-Ống vỏ ngoài cách điện (Insulated)-Ruột kéo phẫu tích lưỡng cực METZENBAUM (loại Robi), hàm cong, cho cắt và đốt lưỡng cực, hàm mở 02 bên, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
25	377	140KE006	Kẹp giữ kim KOH, hàm cong phải, tay cầm gập góc, cỡ 5mm, chiều dài 33cm (Needle Holder)	Kềm giữ kim KOH-Tay cầm gập góc -Hàm cong phải-Cỡ 5mm-Dài 33cmSử dụng cho phẫu thuật nội soi
26	378	140KE007	Kẹp giữ kim KOH, hàm cong trái, tay cầm gập góc, cỡ 5mm, chiều dài 33cm (Needle Holder)	Kềm giữ kim KOH-Tay cầm gập góc với khóa đòn bẩy-Hàm cong trái-Cỡ 5mm-Dài 33cmSử dụng cho phẫu thuật nội soi
27	379	140KE008	Kẹp phẫu tích KELLY cong, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích KELLY cong, cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có: -Tay cầm nhựa có khoá, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực-Vỏ ngoài cách điện (Insulated) -Ruột kẹp phẫu tích KELLY, hàm mở 02 bên
28	380	140KE009	Kẹp phẫu tích lưỡng cực CLERMONT-FERRAND (loại Robi), cỡ 5, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích lưỡng cực CLERMONT-FERRAND (loại Robi), cỡ 5, dài 36 cm, gồm:-Tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực, không có khóa có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connecting pin for unipolar coagulation)- Vỏ ngoài cách điện (Insulated)- Ruột kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY (loại RoBi), cỡ 5mm, chiều dài 36cm, kiểu CLERMONT-FERRAND, hàm cong ngắn
29	381	140KE010	Kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY (loại Robi), xoay tròn được, cỡ 5mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY cong (loại RoBi), kiểu CLERMONT-FERRAND, cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có :-Tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực, không có khóa có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connecting pin for unipolar coagulation) (38151)-Vỏ ngoài cách điện (Insulated) (38600)-Ruột kẹp phẫu tích lưỡng cực, hàm mở 02 bên (double action jaws), hàm cong dài (38610ML)

30	382	140KE011	Kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5 mm, dài 33 cm	Kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5 mm, dài 33 cm, gồm có:- Tay cầm nhựa không khóa (26296HM)- Ống vỏ ngoài cách điện, gồm 02 phần :• Lớp vỏ bên ngoài (26276A)• Lớp vỏ bên trong (26276B)- Ruột kẹp lưỡng cực, hàm đốt gồm hai nhánh với bề rộng đầu đốt 3 mm (26176HW)
31	383	140KE012	Kẹp phẫu tích răng chuột MANHES, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích răng chuột, xoay tròn được, cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có:- Tay cầm nhựa có khoá dạng thanh trượt, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (33122)- Vỏ ngoài cách điện (33300) - Ruột kẹp phẫu tích, hàm răng nhuyễn, bề rộng của hàm 4.8 mm và hàm mở 01 bên (33310ME)
32	384	140KE013	Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 10 mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 10 mm, dài 36 cm, gồm có : - Tay cầm kim loại có khoá, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connecting pin for unipolar coagulation) (33132)- Vỏ ngoài cách điện (Insulated) (33500)- Ruột kẹp phẫu tích răng nhọn SAWALHE, hàm mở 2 bên (33510UM)
33	385	140KE014	Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 12mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 12mm, dài 36 cm, gồm: - Tay cầm kim loại có khoá, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connecting pin for unipolar coagulation) (33132)- Vỏ ngoài cách điện (Insulated) (33590)- Ruột kẹp phẫu tích răng nhọn SAWALHE, hàm mở 2 bên (33510UM)
34	386	140KE015	Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có : - Tay cầm kim loại có khoá, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connecting pin for unipolar coagulation) (33132)- Vỏ ngoài cách điện (Insulated) (33300)- Ruột kềm phẫu tích Ovary, hàm mở 2 bên, rãnh ngang, cỡ 5mm, chiều dài 36cm (33310UM)
35	387	140KE016	Kẹp phẫu tích, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Kẹp phẫu tích ruột (loại Clamp Ruột có cửa sổ), loại Click Line, xoay tròn được (Rotating), cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có :- Tay cầm nhựa có khoá, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (with connecting pin for unipolar coagulation) (33122)- Vỏ ngoài cách điện (Insulated) (33300)- Ruột kẹp ruột phẫu tích, hàm có cửa sổ (33310ON)
36	388	140KI001	Kim bơm khí VERESS, dài 10 cm, với khóa LUER.	Kim bơm khí CO2 ổ bụng (VERESS Pneumoperitoneum Needle), chiều dài 10 cm, đường kính 10 cm, với nòng trong tù và vỏ ngoài nhọn trượt bằng lò xo
37	389	140KI002	Kim dẫn dịch, khóa LUER, đường kính 1.2 mm, cỡ 5mm, dài 36cm	Kim dẫn dịch, khóa LUER, đường kính 1.2 mm, cỡ 5mm, dài 36cm

38	390	140KI003	Kim nước	Kim nước chọc vào bình chứa dịch, (Dùng với dây dẫn dịch bằng silicone)
39	391	140MA001	Màn cảm biến áp lực	Màn cảm biến áp lực tương thích với máy Karl Stoz
40	392	140NO001	Nòng trong cố định với đầu cách điện Ceramic	Nòng trong cố định với đầu cách điện ceramic dùng trong cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến
41	393	140NO002	Nòng trong đầu tù (dùng với ống vỏ ngoài cỡ 26Fr)	Nòng trong đầu tù (dùng với vỏ ngoài 26 Fr)
42	394	140ON001	Ống bơm hút dịch	Ống bơm hút dịch, với khóa nước 2 chiều, đầu xa có nhiều lỗ bên, cỡ 5mm, chiều dài 36 cm
43	395	140ON002	Ống nối khóa LUER, đường kính 10mm	Ống nối khóa LUER, đường kính 10mm, loại răng trong
44	396	140ON003	Ống soi 0 độ, đường kính 1,3mm, dài ≥ 30,6cm	Ống soi quang học nhỏ HOPKINS II, thẳng, góc soi 0°-Hướng nhìn: 0°, góc nhìn: 90°, chiều dài làm việc: 30.6 cm, đường kính ngoài: 1.3 mm-Loại bán cứng, với điều khiển thị kính từ xa -Hấp tiệt trùng được (Autoclavable)-Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống soi (Fiber optic lihght transmission incorporated)
45	397	140ON004	Ống soi 0 độ, đường kính 2mm, dài ≥ 30cm	Ống soi quang học nhỏ HOPKINS II, -Hướng nhìn: 0°, góc nhìn: 95°, chiều dài làm việc: 30 cm, đường kính ngoài: 2 mm-Loại bán cứng, với điều khiển thị kính từ xa -Hấp tiệt trùng được (Autoclavable)-Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống soi (Fiber optic lihght transmission incorporated)
46	398	140ON005	Ống soi quang học HOPKINS II, góc soi thẳng 0 độ, cho máy cắt đốt nội soi. Đường kính 10mm, dài 31cm	Ống soi quang học HOPKINS II cho máy cắt đốt nội soi:-Góc soi thẳng 0 độ, đường kính 10 mm, dài 31 cm-Thị trường mở rộng (Enlarged view)-Hấp tiệt trùng được (Autoclavable)-Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống soi (Fiber optic lihght transmission incorporated) -Bên trong ống soi gồm các thỏi lăng kính (Rod lens) xếp nối đuôi có khoản không gian giữa các lăng kính, cùng nằm trên một trục thẳng. Nhờ cấu tạo như trên mà ống soi HOPKINS II có thêm những ưu điểm sau : độ sáng hình ảnh tăng lên 2.5 lần, độ sáng hình ảnh đồng đều từ trung tâm đến ngoại vị, giảm tối đa nguy cơ bỏng mô, tăng độ phân giải chi tiết hình ảnh.(Sử dụng cho phẫu thuật nội soi)

47	399	140ON006	Ống soi quang học HOPKINS II góc soi thẳng 30 độ cho máy cắt đốt nội soi. Đường kính 4mm, dài 30cm	Ống soi quang học HOPKINS II cho máy cắt đốt nội soi:-Góc soi nghiêng 30 độ ,Đường kính 4 mm, dài 30 cm-Thị trường mở rộng (Enlarged view)-Hấp tiệt trùng được (Autoclavable)-Dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống soi (Fiber optic lihght transmission incorporated)-Bên trong ống soi gồm các thỏi lăng kính (Rod lens) xếp nối đuôi có khoản không gian giữa các lăng kính, cùng nằm trên một trục thẳng. Nhờ cấu tạo như trên mà ống soi HOPKINS II có thêm những ưu điểm sau : độ sáng hình ảnh tăng lên 2.5 lần, độ sáng hình ảnh đồng đều từ trung tâm đến ngoại vị, giảm tối đa nguy cơ bỏng mô, tăng độ phân giải chi tiết hình ảnh.(Sử dụng cho phẫu thuật nội soi)
48	400	140ON007	Ống thông buồng tử cung COHEN, có khóa LUER để vệ sinh dụng cụ	Ống thông buồng tử cung COHEN, có khóa LUER để vệ sinh dụng cụ, kèm theo:-Nón buồng tử cung lớn-Nón buồng tử cung nhỏ
49	401	140ON008	Ống vỏ ngoài phẫu thuật, cỡ 26Fr	Ống vỏ ngoài phẫu thuật, cỡ 26 Fr, bao gồm:-Vỏ ngoài có khóa nước LUER-Vỏ trong cố định, có khóa nước LUER và đầu xa cách điện ceramic
50	402	140PE001	Pedal máy đốt nội soi	Bàn đạp 3 nút điều khiển dùng với Máy cắt đốt lưỡng cực Autocon II 400
51	403	140RO003	Ron bên trong trocar 6mm	Van silicone bên trong, dùng với trocar vòng xoắn cỡ 6mm (05 cái/bao)
52	406	140RU001	Ruột kep đốt lưỡng cực, cỡ 2,4 mm, dài ≥ 24,5cm, hàm phẳng, rãnh ngang, loại dùng 1 lần (05 cái/bao)	Ruột kẹp đốt lưỡng cực, cỡ 2,4mm, dài 24,5cm, hàm phẳng, rãnh ngang, loại dùng 1 lần (05 cái/bao)
53	407	140RU002	Ruột kep đốt lưỡng cực, cỡ 2,4 mm, dài ≥ 26 cm, hàm phẳng, loại dùng 1 lần (05 cái/bao)	Ruột kẹp đốt lưỡng cực, cỡ 2,4mm, dài 26cm, hàm phẳng, loại dùng 1 lần (05 cái/bao)
54	408	140RU003	Ruột đốt bipolar size 3 mm, dài ≥ 24,5cm, hàm phẳng, rãnh ngang, loại dùng nhiều lần	Ruột kẹp đốt lưỡng cực, cỡ 3mm, dài 24,5cm, hàm phẳng, rãnh ngang, loại dùng nhiều lần
55	409	140RU004	Ruột kềm kẹp ruột	Ruột kẹp ruột phẫu tích nội soi đơn cực Dorsey, thẳng, ngàm có khía, khuyết, hàm hoạt động đôi, chiều dài 36cm, đường kính ngàm 5mm
56	410	140RU005	Ruột kềm pozzi	Ruột kềm phẫu tích Ovary (loại Pozzi) hàm mở 2 bên, răng cưa, cỡ 5mm, dài 36cm
57	411	140RU006	Ruột kềm robi 5 mm	Ruột kềm phẫu tích lưỡng cực (loại Robi), cong, cho cắt và đốt lưỡng cực, cỡ 5mm, dài 36cm
58	412	140RU007	Ruột kéo phẫu tích cong	Ruột kéo phẫu tích cong, hàm có răng cưa, lưỡi hình muỗng, chiều dài lưỡi 17mm, hàm hoạt động đôi, cỡ 5mm, dài 36 cm

59	413	140RU008	Ruột kẹp đốt lưỡng cực	Ruột kẹp đốt lưỡng cực, cỡ 5 mm, dài 33 cm, sử dụng cho phẫu thuật nội soi
60	414	140RU009	Ruột kẹp gắp mô	Ruột kẹp phẫu tích răng chuột MANHES, hàm mở 01 bên, bề rộng hàm 4.8mm, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
61	415	140TA001	Tay cầm bào mô Rotocut G1	Tay cầm bào mô Rotocut G1, gồm có :- Motor trục rỗng- Nòng trong đầu tù- Vỏ ngoài ngắn, đường kính 12mm- Tay cầm- Dao nội soi, đường kính 12mm- Van Motor- Nắp đậy, dùng 1 lần- Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 12mm, dài 36 cm, gồm: • Tay cầm kim loại có khóa • Ống vỏ ngoài • Ruột kẹp phẫu tích - Vòng đệm, 05 cái / bao(Dùng với máy bào mô UNIDRIVE GYN)
62	416	140TA002	Tay cầm bào mô Rotocut G2	Tay cầm bào mô Rotocut G2, đường 15 mm, gồm có :- Motor trục rỗng - Nòng trong đầu tù kiểu chuẩn, đường kính 15mm- Vỏ ngoài ngắn, đường kính 15mm- Tay cầm, 11/5mm - Dao nội soi, đường kính 15mm- Nắp đậy, 10 cái/bao - Van, đường kính 15mm - Kẹp phẫu tích SAWALHE, cỡ 15mm, dài 36 cm, gồm: • Tay cầm kim loại có khóa • Ống vỏ ngoài • Ruột kẹp phẫu tích - Vòng đệm, 05 cái / bao
63	417	140TA003	Tay cầm nhựa có khoá	Tay cầm nhựa có khóa, kích cỡ 5mm, có đầu nối dây đốt điện cao tần đơn cực
64	418	140TA004	Tay cầm nhựa không khóa	Tay cầm nhựa không khóa, kích cỡ 5mm, có đầu nối dây đốt điện cao tần đơn cực
65	419	140TA005	Tay cắt nội soi (Working Element), loại tay cắt ngược, loại 1 chân cắm	Tay cắt nội soi (Working element), loại tay cắt ngược, loại 1 chân cắm
66	420	140TA006	Tay cắt nội soi lưỡng cực (02 chân)	Tay cắt nội soi lưỡng cực (Working element) :- Dùng với điện cực 2 chân-Hoạt động theo nguyên lý bật lò xo đẩy điện cực ra xa
67	421	140TR001	Trocar 2,6mm, dài 10cm, sử dụng cho kẹp đốt lưỡng cực, cỡ 2,4mm	Trocar cỡ 2.6mm, chiều dài 10cm, sử dụng cho kẹp đốt lưỡng cực gồm: -Nòng trong với đầu nhọn hình tháp (11516S)-Vỏ ngoài (11516C1) - Van silicone (11603L1)
68	422	140TR002	Trocar 3,2 x 4,95mm, dài 10cm, sử dụng cho kẹp đốt lưỡng cực	Trocar cỡ 3,2 x 4,95 mm, chiều dài 10cm, sử dụng cho kẹp đốt lưỡng cực gồm:-Nòng trong trocar (11520S)-Vỏ ngoài (11520A2) -Van silicone (30160L1)-Nắp đậy trocar (6127490)
69	423	140TR003	Trocar 3,6 x 5,4mm, dài 10cm, sử dụng cho đốt bipolar	Trocar cỡ 3,6 x 5,4 mm, chiều dài 10cm, sử dụng cho kẹp đốt lưỡng cực, gồm:-Nòng trong trocar (11519S)-Vỏ ngoài (11519A2) -Van silicone (30160L1)-Nắp đậy trocar (6127490)

70	424	140TR004	Trocar kim loại trơn, cỡ 11mm	Trocar kim loại trơn, được nút kín bằng van đa năng (Multifunctional valve) :- Cỡ : 6 mm- Chiều dài hoạt động : 10.5 cm- Ruột trong bằng kim loại đầu nhọn hình tháp (Trocar only with pyramidal tip) (30103P)- Vỏ ngoài trơn với van đa năng (30103H2 + 30103M1)
71	425	140TR005	Trocar nhựa vòng xoắn, cỡ 6 mm, dài 6 cm	Trocar nhựa vòng xoắn, cỡ 6 mm, dài 6 cm, gồm có:-Ruột trong với đầu nhọn hình tháp (30120K)-Vỏ ngoài vòng xoắn với van silicone (30120G)
72	426	140VO001	Võ kềm Robi	Vỏ ngoài cách điện, với đầu nối vệ sinh có khóa LUER cỡ 5mm, dài 36cm
73	427	140VO002	Vỏ ngoài cây đốt lưỡng cực nội soi	Ống vỏ ngoài cách điện, đầu xa bằng ceramic, cỡ 5mm, chiều dài 33cm, có đầu nối khóa LUER để vệ sinh
74	428	140VO003	Vỏ ngoài kềm kéo nội soi	Vỏ ngoài cách điện, cỡ 5mm, dài 36cm, dùng với tay cầm có khóa hoặc không khóa, với đầu nối khóa LUER
75	429	140VO004	Vỏ ngoài ống soi, vỏ cong, đầu nhọn, size 8Fr, 1mm	Vỏ ngoài ống soi, vỏ cong, đầu xa nhọn, cỡ 8 Fr, với 2 nòng trong, với kênh làm việc cỡ 1 mm, với 1 đầu khóa nước và 1 đầu nối khóa LUER
76	430	140VO005	Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu nhọn, size 8Fr,1mm	Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu xa nhọn, cỡ 8 Fr, với 2 nòng trong, với kênh làm việc cỡ 1 mm, với 1 đầu khóa nước và 1 đầu nối khóa LUER
77	431	140VO006	Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu nhọn, size 9Fr,1mm	Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu nhọn, cỡ 9 Fr., 1 mm
78	432	140VO007	Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu tù, size 9Fr,1mm	Vỏ ngoài ống soi, vỏ tù, đầu nhọn, cỡ 9 Fr., 1 mm
79	433	140VO008	Vỏ ngoài optic soi buồng tử cung 30 độ	Vỏ ngoài thăm khám buồng tử cung, đường kính 5.1 mm, với 1 khóa vặn xoắn
80	434	140VO009	Vỏ trong xoay tròn, có khóa nước LUER và đầu xa cách điện ceramic	Vỏ trong xoay tròn, đầu cách điện ceramic
TỔNG CỘNG				
32	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT HOÀNG ANH**			
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
1	201	080NU001	Núm đo điện tim dán ngực	Điện cực tim
TỔNG CỘNG				
33	**CÔNG TY TNHH TTBYT HOÀNG ÁNH DƯƠNG**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	55	035DA001	Dây truyền dịch an toàn	INTRAFIX PRIMELINE
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
2	111	042DA001	Dây hút dịch phẫu thuật nhựa dẻo 10mm/12mm dài 1,7m, tiệt trùng hai lớp	"Dây hút dịch phẫu thuật Ø 10 x 1.7 m (đóng gói 2 lớp bao, tiệt trùng bằng khí E.O)"
3	116	043DA001	Dây nối truyền dịch bơm tiêm điện 140cm cho sơ sinh	EXTENSION LINE, TYPE: MINIMUM VOLUME, 140CM
4	123	041DA001	Dây thông tiểu một nhánh các số	Nelaton Catheter

Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
5	187	042BO002	Bộ dây bơm hút dịch phẫu thuật nội soi	"Bộ dây bơm hút dịch phẫu thuật nội soi(đóng gói 2 lớp bao, tiệt trùng bằng khí E.O)"
TỔNG CỘNG				
34	**CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG ANH VIỆT**			
Nhóm 17. Vật tư tiêu hao; Y dụng cụ khác (Nộp Catalog tô bút dạ quang lên sản phẩm dự thầu)				
1	496	170BA001	Banh vết thương US-Army	Banh vết thương US-Army, hai đầu, bộ 2 chiếc, dài 220mm, kích thước 22 x 15mm, 26 x 15mm, 39 x 15mm, 43 x 15mm
2	498	170BO001	Bồn hạt đậu	Khay đựng hình quả thận, dài 250mm
3	501	170CA002	Cây đè ruột	Đè bụng/ruột Ribbon, dễ uốn, dài 330mm, lưỡi rộng 40mm
4	515	170HO001	Hộp nhôm kim. (592 x 274 x 120mm, kích thước trong 544 x 258x 105mm)	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài 592 x 274 x 120mm, kích thước trong 544 x 258x 105mm
5	516	170HO002	Hộp nhôm kim. (dòng Primeline Pro)	Nắp hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, dòng Primeline Pro, cỡ 1/1, màu bạc
6	517	170HO003	Hộp nhôm kim. (kích thước 540 x 253 x 76 mm)	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có chân, kích thước 540 x 253 x 76 mm
7	518	170KE024	Kelly dài cong TO 20cm	Kẹp động mạch Rochester-Pean, cong, dài 200mm
8	522	170KE005	Kềm Allis	Kẹp phẫu tích mô Allis, ngàm có răng 5x6, dài 190mm
9	538	170KE006	Kềm Rochester cong 200mm	Kẹp động mạch Rochester-Pean, cong, dài 200mm
10	540	170KE007	Kềm Tim Thẳng Co Răng	Kẹp gắp bông băng Foerster-Ballenger, cong, có răng, dài 245mm
11	542	170KE008	Kềm Rochester cong 200mm.	Kẹp động mạch Rochester-Pean, cong, dài 200mm
12	546	170KE027	Kéo Mayo cong 170mm	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài 170mm
13	547	170KE028	Kéo Mayo cong 230mm	Kéo phẫu thuật Mayo-Harrington, cong, mũi tù/tù, dài 230mm
14	552	170KE025	Kẹp Kim 200mm (May Da Bụng)	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, kiểu mảnh, cỡ vừa, thẳng, ngàm răng cưa có rãnh dọc, dài 200mm
15	563	170MU001	Muỗng Nạo Nhỏ	Dụng cụ nạo tử cung Sims, số 2, đầu tù, cứng, dài 255mm, đầu rộng 8,50mm
16	565	170NH001	Nhíp có mấu 16cm	Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài 160mm
17	566	170NH002	Nhíp có mấu 20cm	Nhíp mô Waugh, mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2), dài 200mm
18	567	170NH003	Nhíp đầu tròn bóc hạch	Nhíp phẫu tích phổi Tuttle, thẳng, dài 230mm
19	568	170NH004	Nhíp không mấu 160mm	Kẹp phẫu tích, dài 160mm
20	569	170NH005	Nhíp không mấu 200mm	Nhíp phẫu tích Cushing, mảnh, thẳng, ngàm có khía, dài 200mm
21	571	170NH006	Nhíp Mấu 16Cm (May Da Bụng)	Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài 160mm

22	598	170ON001	Ống hút sắt	Ống hút Pool, thẳng, dài 225mm, đường kính số 30, đường kính 10mm, dùng cho ống hút đường kính đường kính 8-10,5mm
TỔNG CỘNG				
35	**CÔNG TY TNHH TTBYT HOÀNG KIM**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	51	037DA003	Dây cho ăn số 16	Dây cho ăn số 16
2	65	036GA001	Găng tay tiệt trùng, không bột	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng từng đôi không bột các số
3	76	032KI002	Kim lấy máu (lancest)	Kim Lancets dùng tay
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
4	133	042ON001	Ống hút nhớt số 16	Ống hút nhớt số 16
5	135	042ON002	Ống hút nhớt số 8 có kiểm soát	Ống hút nhớt số 8 có khóa
6	147	041AI001	Thông khí đường thở (Airway) số 3	Airway số 3
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
7	167	053DA001	Dao mổ các loại	Dao mổ các số
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
8	257	100LA001	Lame mờ	Lam kính mờ 7105
Nhóm 16. Giấy				
9	477	160GI005	Giấy in máy điện tim 3 kênh 63mm x 30m	Giấy đo điện tim 3 cần 63mm x 30m
TỔNG CỘNG				
36	**CÔNG TY TNHH TM DVKT HOÀNG LỘC**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	146	041SO001	Sonde niệu quản (Pezzer) các số	Ống thông Pezzer (sonde quả bí)
TỔNG CỘNG				
37	**CÔNG TY TNHH TTB&VTYT HOÀNG VIỆT LONG**			
Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				
1	300	031BO018	Bơm tiêm sử dụng trong thụ tinh ống nghiệm 10ml	Bơm tiêm 10ml luer lock BD
2	301	031BO016	Bơm tiêm sử dụng trong thụ tinh ống nghiệm, 1ml - kim 26Gx1/2	Bơm tiêm 1ml kim 26G x 1/2 BD
TỔNG CỘNG				
38	**CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ**			
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
1	261	037LO001	Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng 50ml	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiệt trùng 50ml HTM nắp đỏ, có nhãn
2	267	100ON003	Ống nghiệm Citrate	Ống nghiệm Citrate 3,8% HTM 2ml nắp xanh lá, mous thấp
3	270	100ON005	Ống nghiệm Edta	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp xanh dương, mous thấp
4	272	100ON006	Ống nghiệm Edta nắp đậy cao su	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp
5	273	100ON008	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm Heparin lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp.
6	278	100ON010	Ống nghiệm Serum	Ống nghiệm Serum hạt to HTM nắp đỏ
TỔNG CỘNG				
40	**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT**			

Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
1	197	080MA001	Mask oxy nồng độ cao	Mask thở oxy có túi
TỔNG CỘNG				
41	**CÔNG TY TNHH IDS MEDICAL SYSTEMS VIỆT NAM**			
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
1	298	033DU001	Dụng cụ sinh thiết nội mạc tử cung sử dụng một lần	Dụng cụ sinh thiết nội mạc tử cung sử dụng một lần
TỔNG CỘNG				
42	**CÔNG TY TNHH DP KHANG DUY**			
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
1	21	021BA002	Băng keo vô trùng dạng trong suốt 60x70mm	1624W Băng phim trong Tegaderm vô trùng 6 x 7cm
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
2	48	031BO002	Bơm tiêm insulin 1ml	BD Ultra-Fine Insulin Syringes 1.0ML 30GA 8MM BLS
Nhóm 12. Vật tư sử dụng theo máy hấp				
3	340	120TE001	Test sinh học kiểm soát tiệt trùng vi sinh	1292 Test kiêm soát tiệt trùng vi sinh 3h bằng hơi nước
TỔNG CỘNG				
43	**CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ**			
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
1	17	021BA004	Băng keo cuộn co dãn 10cmx 2,5m	Urgoderm 10cm x 2.5m
2	18	021BA005	Băng keo cuộn co dãn 10cmx 4,5m	Urgocrepe 10cm x 4.5m
3	19	021BA006	Băng keo lụa lõi liền 2,5cm x 5m	Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp)
4	22	021BA003	Băng keo vô trùng dạng trong suốt 73x80mm	Optiskin Film 73mm x 80mm
TỔNG CỘNG				
45	**LIÊN DANH NHÀ THẦU DANAMECO - THEMCO**			**4**
Nhóm 1. Bông, rửa vết thương				
1	2	011BO002	Bông gòn không thấm nước	Bông mỡ, KVT (1 kg/gói) (Danameco, VN)
2	3	010GO001	Gói xỏ lỗ tai	Gói xỏ lỗ tai, VT (Danameco, VN)
3	5	011GO002	Gòn vấn không tiệt trùng fi 1,5*3	Bông viên Fi 1.5 x 3cm, KVT (100 gam/gói) (Danameco, VN)
4	6	011GO003	Gòn vệ sinh tiệt trùng fi 3*6	Bông viên Fi 3 x 6cm, VT (100 gam/gói) (Danameco, VN)
5	9	011TA006	Tăm bông nhựa 1 đầu gòn, dài 7cm.	Que tăm bông (1 đầu bông), VT (20 cây/gói) (Danameco, VN)
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
6	23	023GA009	Gạc cản quang đại 40x80cm x 5 lớp	Gạc Phẫu thuật Ổ Bụng 40 x 80cm x 5 lớp, CQKVT (10 miếng/gói) (Danameco, VN)
7	24	023GA007	Gạc cản quang nhỏ 10x40cm x 5 lớp	Gạc Phẫu thuật Ổ Bụng 10 x 40cm x 5 lớp, CQKVT (100 miếng/gói) (Danameco, VN)
8	25	023GA008	Gạc cản quang trung 40x40cm x 5 lớp	Gạc phẫu thuật ổ bụng 40 x 40cm x 5 lớp, CQKVT (40 miếng/gói) (Danameco, VN)
9	26	023GA005	Gạc củ ấu sản khoa 6cm x 6cm x 6 lớp, tiệt trùng	Gạc củ ấu sản khoa M3, VT (10 miếng/gói) (Danameco, VN)
10	27	023GA006	Gạc củ ấu sản khoa, 6cm x 6cm x 6 lớp, không tiệt trùng	Gạc củ ấu sản khoa M3, KVT (100 miếng/gói) (Danameco, VN)

11	28	023GA010	Gạc dẫn lưu 0,75cm x (dài)100cm x 4 lớp, tiệt trùng	Gạc dẫn lưu 0.75 x 100cm x 4 lớp, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)
12	30	023GA004	Gạc hút tiệt trùng 20 x 7cm x 8 lớp (gạc hậu phẫu dày)	Gạc Phẫu thuật 7 x 20cm x 8 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)
13	31	023GA003	Gạc hút tiệt trùng 23 x 7cm x 4 lớp	Gạc Phẫu thuật 7 x 23cm x 4 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)
14	32	023GA011	Gạc lót đốc kim kích thước 3cm x 4cm x 4 lớp, tiệt trùng	Gạc lót kim 3 x 4cm x 4 lớp, VT (10 miếng/gói) (Danameco, VN)
15	33	023GA002	Gạc 10cm x 120cm x 8 lớp, tiệt trùng	Meche Phẫu thuật 10 x 120cm x 8 lớp, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)
16	34	023GA001	Gạc 5cm x 120cm x 8 lớp, tiệt trùng	Meche Phẫu thuật 5 x 120cm x 8 lớp, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
17	62	036GA007	Găng tay các số tiệt trùng (dùng trong thủ thuật, phẫu thuật)	Găng tay phẫu thuật có bột, tiệt trùng số 6,5 - 7,0 - 7,5 - 8,0
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
18	112	043DA005	Dây nối có khoá tiệt trùng, dài 30cm	Dây nối bơm tiêm điện 2.9x3.9mmx30cm
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
19	276	100ON002	Ống nghiệm nhựa có nắp 13x100mm	Ống trong Hemolys 7ml nắp trắng (Ống PS 13x100 nắp trắng, không nhãn 7ml)
TỔNG CỘNG				
47	**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT Y TẾ M.D.T**			
Nhóm 17. Vật tư tiêu hao; Y dụng cụ khác (Nộp Catalog tô bút dạ quang lên sản phẩm dự thầu)				
1	497	170BO002	Bộ banh bụng Balfour khung banh kích thước 240x200mm, cặp lưỡi banh 50mm, lưỡi banh trung tâm kích thước 47x80mm.	Bộ banh bụng Balfour, độ mở 25cm, cặp lưỡi banh kích thước 70x35mm và 100x35mm, lưỡi banh trung tâm kích thước 45x80mm
2	499	170CA003	Cán Dao Số 3 (May Da Bụng)	Cán dao mổ số 3
3	500	170CA004	Cán dao số 4	Cán dao mổ số 4
4	502	170CH001	Chén Chun	Chén chum kích thước 128x55mm
5	503	170CL001	Clamp kẹp ruột, cong	Clamp kẹp ruột Kocher cong, lưỡi mềm và đàn hồi, dài 22cm
6	504	170CL002	Clamp kẹp ruột, thẳng	Clamp kẹp ruột Kocher thẳng, lưỡi mềm và đàn hồi, dài 22cm
7	513	170KE026	Fixchamp	Kẹp săng mổ Backhaus, dài 13cm
8	519	170KE023	Kelly Dài Thẳng 20Cm	Kẹp động mạch Rochester-Pean thẳng, dài 20cm
9	520	170KE009	Kềm Babcock	Kẹp phẫu tích mô Babcock, dài 20cm
10	523	170KE010	Kềm Babcock dài 200mm	Kẹp ruột Babcock thẳng, dài 20cm
11	525	170KE011	Kềm Hình Tim Nhỏ	Kẹp gắp bông băng, cong, dài 25cm
12	534	170KE012	Kềm kocher, dài 160mm	Kẹp cầm máu Kocher-Ochsner, thẳng, ngàm có răng 1x2, dài 16cm
13	535	170KE013	Kềm Kocher 185 mm	Kẹp cầm máu Kocher-Ochsner, thẳng, ngàm có răng 1x2, dài 18cm
14	536	170KE014	Kềm Kocher, dài 200mm	Kẹp cầm máu Kocher-Ochsner, thẳng, ngàm có răng 1x2, dài 20cm

15	537	170KE015	Kềm pozzi 2 răng	Kẹp phẫu tích tử cung Schroder, loại khỏe, dài 24cm
16	539	170KE016	Kềm Sát Trùng Thẳng	Kẹp gắp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, ngàm trơn, dài 25cm
17	548	170KE017	Kéo Metjenbaum dài 180mm	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Nelson, cong, mũi tù/tù, dài 18cm.
18	549	170KE018	Kéo Metjenbaum 180-200mm	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Nelson, cong, mũi tù/tù, dài 18-20cm.
19	550	170KE019	Kéo Metjenbaum dài 230mm	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Nelson, cong, mũi tù/tù, dài 23cm.
20	551	170KE020	Kẹp khăn	Kẹp săng mổ Backhaus, dài 13cm
21	553	170KE021	Kẹp mạch máu Pean thẳng, dài 200mm	Kẹp mạch máu Rochester-Pean thẳng, dài 20cm
22	556	170KE022	Kocher Dài 20Cm	Kẹp cầm máu Kocher-Ochsner, thẳng, ngàm có răng 1x2, dài 20cm
23	559	170MO001	Mỏ Vịt banh âm đạo Collin	Banh âm đạo Collin, kích thước 100 x 35 mm
24	562	170MO002	Mỏ Vịt Nội Soi	Banh âm đạo Collin, kích thước 100 x 35 mm
25	602	170TH001	Thước Đo cổ tử cung	Que thăm cổ tử cung Simpson, cong, dễ uốn, mạ bạc, dài 32cm,
TỔNG CỘNG				
48	**CÔNG TY TNHH TM MAI THẢO LINH**			
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
1	260	100LO001	Lọ chứa tinh trùng 150ml	Lọ chứa tinh trùng 150ml
Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				
2	304	110CA002	Catheter de frydman TM 4.5mm	Frydman Classic Catheter 4.5
TỔNG CỘNG				
51	**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**			
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
1	184	080BA004	Bao cao su	Bao cao su Happy
TỔNG CỘNG				
52	**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ METECH**			
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
1	35	024GI001	Giấy cầm máu 10x20 cm, tiệt trùng	Vật liệu cầm máu tự tan , Kích thước 10cm x 20cm Pahacel Standard (OXIDISED REGENERATED CELLULOSE)
TỔNG CỘNG				
53	**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ TTBYT MINH PHÁT**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	60	036GA002	Găng 2 ngón	Găng tay 2 ngón
TỔNG CỘNG				
54	**CÔNG TY CP TTB KỸ THUẬT Y TẾ TPHCM**			
Nhóm 1. Bông, rửa vết thương				
1	7	010QU001	Que cấy nhựa sử dụng một lần cỡ 10 microlit, đầu tròn	Que cấy nhựa sử dụng một lần cỡ 10 microlit, đầu tròn, vô trùng
2	10	011TA004	Tăm bông xét nghiệm nhựa 15cm, một đầu gòn nhỏ	Que xét nghiệm tiệt trùngnhựa 15 cm(±0,5cm) 1 đầu gòn 3mm

Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
3	140	042ON005	Ống thông dẫn dịch tiệt trùng số 28	Ống thông tiệt trùng số 28
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
4	169	051KI001	Kim khâu 9 x 24 các loại	Kim khâu 9x24 các loại
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
5	193	080CH001	Chổi phết tế bào âm đạo (tiệt trùng)	Chổi phết tế bào âm đạo(tiệt trùng)
6	202	080QU001	Que phết tế bào âm đạo	Que spatula
Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị				
7	206	090BA001	Bao vải và túi hơi huyết áp kế	Bao vải và túi hơi huyết áp kế
8	207	090BI001	Bình làm ẩm Oxy	Bình làm ẩm oxy nút nhựa/ kim loại
9	214	090BO005	Bo huyết áp kế	Quả bóp huyết áp kế
10	242	090VA001	Van huyết áp kế	Van huyết áp kế
Nhóm 16. Giấy				
11	472	160GI006	Giấy điệm tim 3 kênh 80x20m	Giấy điện tim 3 kênh 80x20m
12	476	160GI007	Giấy in máy điện tim 110mm*140mm	Giấy in máy điện tim FQW110-2-140(110mm x 140mm x 143 tờ -không sọc)
13	482	160GI008	Giấy in tương thích máy monitor sản COROMETRIC 152mm*90mm	Giấy in monitor sản COROMETRIC BAO 4305/DA 04305 152mm x 90mm x 150 tờ
Nhóm 17. Vật tư tiêu hao; Y dụng cụ khác (Nộp Catalog tô bút dạ quang lên sản phẩm dự thầu)				
14	604	170XE001	Xe lăn Inox người lớn	Xe lăn Inox người lớn loại gác chân cố định
TỔNG CỘNG				
55	**CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT NGUYỄN LÂM**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	68	032KI005	Kim cánh bướm 23G	Kim cánh bướm số 23G
2	77	032KI006	Kim lấy máu (lancest) tương thích theo máy thử đường huyết	Kim lancet lấy máu số 26
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
3	122	041DA004	Dây thông tiểu hai nhánh số 20	Ống thông tiểu 2 nhánh số 20
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
4	198	080MA002	Mặt nạ gây mê các cỡ	Mask gây mê các số 1, 2, 3, 4, 5
TỔNG CỘNG				
57	**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ NHẤT MINH**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	82	033KI006	Kim sinh thiết chân không 7G; 10G; 12G	Kim sinh thiết chân không 7G,10G,12G
TỔNG CỘNG				
58	**CÔNG TY CP NHỰA Y TẾ VIỆT NAM**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	36	031BO005	Bơm tiêm 10ml không kim	Bơm tiêm MPV 10ml
2	37	031BO009	Bơm tiêm 10ml kim 23	Bơm tiêm MPV 10ml

3	40	031BO006	Bơm tiêm 20ml không kim	Bơm tiêm MPV 20ml
4	41	031BO007	Bơm tiêm 3ml kim 23	Bơm tiêm MPV 3ml
5	43	031BO003	Bơm tiêm 50ml không kim, đầu lớn, sử dụng cho ăn	Bơm cho ăn MPV 50ml
6	44	031BO004	Bơm tiêm 50ml không kim, đầu nhỏ	Bơm tiêm MPV 50ml
7	50	037DA002	Dây cho ăn số 10	Ống thông dạ dày MPV
8	54	035DA004	Dây truyền dịch 20 giọt không màng lọc	Bộ dây truyền dịch MPV
9	67	030KE001	Kẹp rốn tiệt trùng	Kẹp rốn MPV
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
10	145	041SO002	Sonde hậu môn (rectal) số 28	Ống thông hậu môn MPV
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
11	199	080MA003	Mặt nạ khí dung các cỡ	Mặt nạ thở Oxy bộ khí dung MPV
12	200	080MO001	Mỏ vịt nhựa tiệt trùng	Mỏ vịt MPV
TỔNG CỘNG				
59	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NTI**			
Nhóm 16. Giấy				
1	466	KO KÝ HĐ	Áo phẫu thuật Basic M; L	Áo phẫu thuật Basic M;L
TỔNG CỘNG				
60	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	74	032KI008	Kim hút mẫu tube chân không 22G x 1.5 inch	NEEDLE CNV MLTSMP CE
2	75	032KI009	Kim hút mẫu tube chân không 22GA*01 inch , đốc trong	NEEDLE CNV 22X1.5 MLTSMP CE
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
3	268	100ON004	Ống nghiệm Citrate chân không 13*75mm	TUBE CIT PLH 13X75 1.8 PLBL L/BL .109
4	271	100ON007	Ống nghiệm Edta chân không 13*75mm	TUBE EDTA PLH 13X75 4.0 PLBL LAV
5	275	100ON009	Ống nghiệm Litium heparin chân không 13*75mm	TUBE LIHEP PLH 13X75 4.0 PLBL GNTUBE PLN PLH 13X75MM 4.0ML PLBL RD

6	279	100ON011	Ống nghiệm serum chân không 4-6 ml, 13*75mm	TUBE PLN PLH 13X75MM 4.0ML PLBL RD
Nhóm 15. Vật tư y tế tiêu hao kỹ thuật cao (Nhóm 15: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
7	458	031BO013	Bơm tiêm nước muối 3ml đóng gói sẵn nắp đậy đầu luer-lock	BD POSIFLUSH NORMAL SALINE SYRINGES 3ML
8	459	031BO014	Bơm tiêm nước muối 5ml đóng gói sẵn nắp đậy đầu luer-lock	BD POSIFLUSH NORMAL SALINE SYRINGES 5ML
9	460	031BO015	Bơm tiêm nước muối 10ml đóng gói sẵn nắp đậy đầu luer-lock	BD POSIFLUSH NORMAL SALINE SYRINGES 10ML
10	461	032KI010	Bộ kim luồn an toàn kín tích hợp 3 trong 1 chất liệu Vialon các cỡ 18-24G	BD NEXIVA 18-24G
11	463	031BO017	Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml tự động hút máu, có kim 23G/25G	Bơm tiêm khí máu động mạch chế độ tự động - BD Preset Syringe 1ml, có kim 23G/25G
TỔNG CỘNG				
61	**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG**			
Nhóm 15. Vật tư y tế tiêu hao kỹ thuật cao (Nhóm 15: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
1	440	052CH032	Chỉ tan tổng hợp có gai	Chỉ tan đơn sợi có gai Vloc-180 0 30cm 1/2C GS-21 37mm
2	441	052CH033	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 0	Chỉ tan đa sợi bện Polysorb 0 90cm GS-24 1/2C 40mm
TỔNG CỘNG				
63	**CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN**			
Nhóm 18. Khí Y tế (Nộp Catalog tô bút dạ quang lên sản phẩm dự thầu)				
1	605	180CO001	Khí CO2 dược dụng	Khí CO2 dược dụng
2	606	180NO001	Khí NO	Khí NO (Khí Nitơ có chứa hàm lượng NO 1.000ppm)
3	607	180OX001	Khí Oxy (0.5m3/chai)	Khí Oxy (0.5m3/chai)
4	608	180OX002	Khí Oxy (2m3/chai)	Khí Oxy (2m3/chai
5	609	180OX003	Khí Oxy(6m3/chai)	Khí Oxy (6m3/chai
6	610	180NI001	Nitơ chai (99,99%)	Nitơ chai (99.99%)
7	611	180NI002	Nitơ lỏng	Nitơ lỏng
8	612	180OX004	Oxy lỏng	Oxy lỏng
TỔNG CỘNG				
64	**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ**			
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
1	15	023BA001	Băng keo có gạc vô trùng 200x90mm	Băng keo có gạc vô trùng 200x90mm
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
2	70	033KI001	Kim gây tê tuỷ sống 20G	Kim gây tê tuỷ sống 20G
3	80	033KI005	Kim sinh thiết gai nhau, dài 150mm, tiệt trùng	Kim sinh thiết gai nhau, dài 150mm, tiệt trùng
TỔNG CỘNG				
65	**CÔNG TY TNHH QUỲNH NGHI**			

Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	81	033KI007	Kim sinh thiết lõi tự động tương thích với súng Magnum	Kim sinh thiết dùng cho súng Bard Magnum AUTOCUT V. Kích thước 14/16/18/20G, chiều dài 10/15/20/25/30cm hoặc khăc.
2	83	033KI008	Kim sinh thiết lõi bán tự động	Kim sinh thiết bán tự động CT-CORE SET hoặc CT-CORE COAXIAL SET (có kèm kim Coaxial hoặc không). Đường kính 14/16/18/20G; Chiều dài 10/13/15/16/20/25 cm
TỔNG CỘNG				
69	**CÔNG TY TNHH SINH NAM**			
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
1	171	053LU001	Lưỡi dao cắt tiêu bản MX35	Lưỡi dao cắt tiêu bản MX35 (Dao cắt tiêu bản)
Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				
2	303	110CA001	Cassette nhựa có nắp	Cassette nhựa có nắp(Khuôn đúc mẫu bệnh phẩm)
Nhóm 17. Vật tư tiêu hao; Y dụng cụ khác (Nộp Catalog tô bút dạ quang lên sản phẩm dự thầu)				
3	506	170DA001	Đầu in cho máy in cassette	Đầu in cho máy in cassette
4	507	170DA002	Đầu in cho máy in lam kính	Đầu in cho máy in lam
5	557	170LA001	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch (Lam kính, mài trắng 2 đầu, Supperfrost Plus Slide)
6	600	170RI001	Ribbon nhiệt cho máy in cassette	Ribbon nhiệt cho máy in cassette (Băng mực in cho máy in mã số trên cassette)
7	601	170RI002	Ribbon nhiệt cho máy in lam kính	Ribbon nhiệt cho máy in lam kính (Cuộn băng in cho máy in lam kính)
TỔNG CỘNG				
71	**LIÊN DANH NHÀ THẦU CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC SỰ SỐNG VÀ CÔNG TY TNHH TM**			
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
1	247	080DA003	Đầu cone có lọc dùng cho sinh học phân tử 200 µl	sterile aerosol pipet tips With Low Addhesion For 200uL Pipettors
Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				

2	329	110TU001	Tube 15 ml đáy nhọn, nắp vặn (tiệt trùng)	disposable/graduated/conical/sterile SuperClear CENTRIFUGE TUBES in INTEGRAPACK
TỔNG CỘNG				
73	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂM HỢP**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	79	032KI004	Kim luồn tĩnh mạch, không cánh, không cửa, có van an toàn số 24Gx 3/4"	SURFLO I.V. Catheter (24G)
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
2	195	080DA006	Dây dẫn đường chụp chẩn đoán đầu thẳng	Dây dẫn đường chụp chẩn đoán đầu thẳng dài 150cm
TỔNG CỘNG				
74	**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM TÂN THÀNH**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	109	044CA001	Catheter tĩnh mạch trung tâm 7F, 1 đường	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng KD-MONOSOFT 7F
TỔNG CỘNG				
76	**CÔNG TY CP DP TBYT HÀ NỘI**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	94	037TU008	Túi ép 100mm x 70m	Cuộn TYVEK® với chỉ thị hóa học STERRAD®100 mm x 70mm
2	95	037TU009	Túi ép 150mm x 70m	Cuộn TYVEK® với chỉ thị hóa học STERRAD® 150mm x 70mm
3	96	037TU010	Túi ép 200mm x 70m	Cuộn TYVEK® với chỉ thị hóa học STERRAD® 200mm x 70mm
4	97	037TU011	Túi ép 250mm x 70m	Cuộn TYVEK® với chỉ thị hóa học STERRAD® 250mm x 70mm
5	98	037TU012	Túi ép 350mm x 70m	Cuộn TYVEK® với chỉ thị hóa học STERRAD® 350mm x 70mm
Nhóm 12. Vật tư sử dụng theo máy hấp				
6	332	120BA001	Băng đựng hóa chất tương thích máy STERRAD 100S hoặc tương đương.	Băng đựng hóa chất Sterrad 100S Cassettes
7	336	120BO001	Bộ bảo dưỡng PM Kit 2 tương thích máy STERRAD 100S	Bộ bảo dưỡng PM Kit 2 tương thích máy STERRAD 100S
8	338	120QU001	Que test hóa học tương thích máy STERRAD 100S	Que chỉ thị hóa học STERRAD®
Nhóm 15. Vật tư y tế tiêu hao kỹ thuật cao (Nhóm 15: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
9	435	052CH023	Chỉ khâu hở eo cổ tử cung polyester, hai kim tròn	Chỉ phẫu thuật MERSILENE dài 40cm, thân dầy 5mm, 2 kim tròn 48mm, 1/2C
10	436	052CH024	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 0	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 0, dài 100cm, kim tròn đầu tròn 31mm, 1/2C
11	437	052CH025	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 2/0, hai kim tròn	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 2/0, dài 90cm, hai kim tròn 31mm 1/2C,
12	439	052CH026	Chỉ nylon số 0 (polyamide), kim tam giác	Chỉ phẫu thuật ETHILON số 0, kim tam giác 40mm 1/2C, chỉ dài 100cm
13	442	052CH027	Chỉ tiêu tổng hợp polyglactin 910 số 0, có chất kháng khuẩn triclosan	Chỉ phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Iragacare MP số 0, 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C
14	444	052CH028	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 3/0 dài 75cm, kim taper point plus 20mm, 1/2C

15	447	052CH029	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone số 0	Chỉ phẫu thuật MONOCRYLsố 0, kim tròn đầu tròn Plus MH-1,dài 31mm 1/2C, chỉ dài 70cm
16	451	052CH030	Chỉ tiêu tổng hợp Polydioxanone 5/0, 2 kim tròn	Chỉ phẫu thuật PDS II số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn plus 17mm, 1/2 C
TỔNG CỘNG				
77	**CÔNG TY TNHH TTBYT THỜI THANH BÌNH**			
Nhóm 1. Bông, rửa vết thương				
1	8	011TA001	Tăm bông gỗ phết mẫu xét nghiệm	Que gòn tiệt trùng trong ống nghiệm
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
2	93	037TU001	Túi đựng nước tiểu	Túi đựng nước tiểu có dây treo
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
3	110	040DA001	Dây garose	Dây garo
4	131	042ON004	Ống hút điều kinh 4,5,6	Ống hút điều kinh tiệt trùng các số
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
5	185	080BA001	Bao đầu camera nội soi vô trùng	Bao dây camera nội soi
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
6	277	100ON001	Ống nghiệm nhựa không nắp 5ml	Ống nghiệm không nắp
Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				
7	312	110DI001	Đĩa petri nhựa 90mm x 15mm	Đĩa petri 90 x 15mm
Nhóm 16. Giấy				
8	468	160BO004	Bộ khăn phẫu thuật nội soi có áo phẫu thuật và gạc cản quang	Bộ khăn phẫu thuật nội soi với bộ gạc và 4 áo phẫu thuật
9	470	160BO005	Bộ khăn tiểu phẫu phụ khoa	Bộ khăn tiểu phẫu phụ khoa
10	474	160GI009	Giầy giấy	Bao giày phẫu thuật
11	475	160GI010	Giấy gói 90cm x 90cm	Bao gói dụng cụ tiệt trùng 90 x 90cm
12	489	160KH002	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng dây cột	Khẩu trang phẫu thuật 3 lớp dây cột
13	490	160KH003	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng dây thun	Khẩu trang phẫu thuật 3 lớp dây thun
14	493	160NO001	Nón giấy tiệt trùng thun đơn	Bao tóc phẫu thuật
TỔNG CỘNG				
78	**CÔNG TY CỔ PHẦN TM CỒNG VÀNG**			
Nhóm 12. Vật tư sử dụng theo máy hấp				
1	334	080BA005	Băng keo hấp chỉ thị màu	Băng keo chỉ thị nhiệt 18mm
2	339	120TE002	Tép kiểm soát hơi nước (chỉ thị hóa học)	Chỉ thị hóa học kiểm tra gói hấp.
TỔNG CỘNG				
79	**CÔNG TY TNHH TOÀN ÁNH**			
Nhóm 10. Vật tư tiêu hao sử dụng trong xét nghiệm				
1	245	100CH001	Chai nuôi cấy 25cm2	Chai nuôi cấy 25cm2

2	248	080DA004	Đầu cone có phin lọc 1.000 mcl	Đầu côn QSP bằng nhựa giảm bám dính thường và có màng lọc 1000UL,1000UL LR TIP STER FLTR
3	249	080DA001	Đầu cone có phin lọc 10 mcl	Đầu cone có phin lọc 10 mclĐầu cone QSP bằng nhựa giảm bám dính thường và có màng lọc 10UL,10UL LR TIP STER FLTR
4	250	080DA002	Đầu cone có phin lọc 100 mcl	Đầu côn QSP bằng nhựa giảm bám dính thường và có màng lọc 100UL,100UL LR TIP STER FLTR
5	252	080DA005	Đầu cone vàng 200mcl	Đầu cone vàng 200µl
6	262	100PI006	Micropipette 5 ml	Dụng cụ hút và nhả mẫu - Micropipette Finnpipette F1 0.5-5 ml
7	264	100ON012	Ống ly tâm 1,5ml, khóa an toàn	Ống li tâm có nắp đậy 1-1.5 ml
8	265	100ON013	Ống ly tâm 2ml, khóa an toàn	ống ly tâm nắp vặn 2.0 ml
9	286	100PI001	Pipet nhựa xét nghiệm 1ml	Pipet bầu nhựa 1ml, không tiệt trùng
10	287	100PI002	Pipet nhựa xét nghiệm 3ml	Pipet bầu nhựa 3ml, không tiệt trùng
11	290	100PI003	Pipette 1 kênh 10-100 microlit	Dụng cụ hút và nhả mẫu - Micropipette Finnpipette F1 10 - 100 ul
12	293	100PI004	Pipette pasteur 150mm không tiệt trùng	Pipette Pastuer 150mm không tiệt trùng
13	294	100PI005	Pipette Pasteur 150mm tiệt trùng	Pipette Pastuer 150mm tiệt trùng
Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				
14	313	110DU001	Dụng cụ chứa Cryotube	Thanh nhôm Cryocane
15	315	110HO001	Hộp cấy 4 giếng có kiểm tra với phôi trước (tiệt trùng từng cái)	Đĩa nuôi cấy 4 giếng tiệt trùng từng cái, có MEA test
16	319	110KI001	Kim ICSI (tiệt trùng)	Kim ISCI
17	320	110LO001	Lọ lưu trữ sinh phẩm (Cryotube) 1,8ml	Lọ lưu trữ sinh phẩm (Cryotube) 1,8 ml
18	321	110PI002	Pipette 10ml	Serological pippete 10 ml
19	323	110PI001	Pipette 1ml	Serological pippete 1 ml
20	325	110PI003	Pipette 5ml	Serological pippete 5 ml

TỔNG CỘNG				
80	**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TỐT**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	102	043BO001	Bộ dây thở với dây nhiệt 51 tương thích máy Carefusion	Dây thở 2 bẫy nước, kèm ống nối rời cho sơ sinh, dùng nhiều lần
2	105	042BO001	Bộ hút đàm kín các số	Bộ hút đàm kín
Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị				
3	205	080BA003	Bao đo huyết áp theo máy monitor (Sơ sinh; trẻ em/ người lớn)	Bao đo huyết áp không xâm lấn
4	218	090BO002	Bóng đèn nội khí quản Macintosh người lớn	Bóng đèn cho lưỡi đặt nội khí quản
5	219	090BO003	Bóng đèn nội khí quản Macintosh sơ sinh	Bóng đèn cho lưỡi đặt nội khí quản
6	220	090CA001	Cán đèn cáp quang (tay cầm tiêu chuẩn, đèn Led)	Cán đèn cáp quang (Tay cầm tiêu chuẩn)
7	238	080SE001	Sensor đo SPO2 dùng 1 lần tương thích với máy Nellcor	Đầu dò SPO2
TỔNG CỘNG				
81	**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	129	041ON002	Ống đặt nội khí quản các số, có cổng bơm thuốc	Ống nội khí quản có đường hút trên bóng Sacett các số
Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị				
2	213	090BO004	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn iPeX BKT-1252 1 đường có van lấy máu kín an toàn Maverlous Stopcock
3	226	090LO002	Lọc vi sinh cho điều áp hút	Lọc vi sinh cho máy điều áp hút, tiêu chuẩn FDA (ống chứa 10 lọc)
TỔNG CỘNG				
83	**CÔNG TY CỔ PHẦN TTBYT CỔNG VÀNG**			
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
1	160	052CH007	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 0 Polyglycolic acid	Chỉ tiêu Pegesorb tổng hợp đa sợi số 0 Polyglycolic acid
2	161	052CH008	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tiêu Pegesorb tổng hợp đa sợi số 2/0
TỔNG CỘNG				
84	**CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	71	033KI002	Kim gây tê tuỷ sống 22G	SPINOCAN G22 X 3 1/2"
2	72	033KI003	Kim gây tê tuỷ sống 25G; 27G	SPINOCAN G25 X 3 1/2"SPINOCAN G27 X 3 1/2"
3	73	033KI004	Kim gây tê tuỷ sống 29G	SPINOCAN G29 X 3 1/2"
4	78	032KI003	Kim luồn tĩnh mạch có van an toàn các số	VASOFIX SAFETY FEP 18G,1.75 IN.,1.3X45MMVASOFIX SAFETY FEP 20G,1.25 IN.,1.1X33MMVASOFIX SAFETY FEP 22G,1 IN.,0.9X25MM
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
5	188	080BO001	Bộ gây tê ngoài màng cứng	PERIFIX ONE 421 COMPLETE SET
TỔNG CỘNG				
88	**CÔNG TY CP TM DV XNK VIÊN PHÁT**			
Nhóm 16. Giấy				

1	469	160BO002	Bộ khăn phẫu thuật phụ khoa ổ bụng có áo phẫu thuật và gạc cản quang	Bộ khăn phẫu thuật phụ khoa ổ bụng A với 3 bó gạc và 3 áo phẫu thuật basic gia cố thân
2	471	160BO003	Bộ khăn sanh thường	Bộ khăn sanh thường
TỔNG CỘNG				
90	**CÔNG TY TNHH TBYT VIỆT ĐỨC**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	106	040BO001	Bóng dẫn lưu Silicone 150ml	Bóng dẫn lưu Silicome 150ml
2	128	041ON001	Ống đặt nội khí quản bóng trái khế số 6,5; 7; 7,5	Đặt nội khí quản có bóng các số
TỔNG CỘNG				
93	**CÔNG TY TNHH Y TẾ VIỆT TIỀN**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	49	043CO001	Cổng tiêm an toàn, không kim, áp lực dương, dây dài 20cm	Cổng tiêm SAFETOUCH PLUG WITH EXTENSION TUBE ST-EX3-20P2NFSG
2	56	035DA003	Dây truyền dịch an toàn 20 giọt/ml, cổng tiêm không kim, khóa áp lực dương và màng lọc cuối đường dây	Dây truyền dịch NIPRO INFUSION SET STA-621I-00ZE
TỔNG CỘNG				
95	**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TBYT VINH ĐỨC**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	63	036GA006	Găng tay các số tiệt trùng (dùng trong thăm dò chức năng, xét nghiệm)	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số
TỔNG CỘNG				
97	**CÔNG TY CP TTB VÀ VTYT HÀ NỘI**			
Nhóm 15. Vật tư y tế tiêu hao kỹ thuật cao (Nhóm 15: đều phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE/ FDA)				
1	443	052CH031	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi dạng bện, số 2/0	Chỉ Marlin rapid số 2/0
TỔNG CỘNG				
98	**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y KHOA**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	52	037DA001	Dây cho ăn số 6 (có cản quang)	Dây cho ăn có nắp số 6
2	85	032NU001	Nút đậy kim luồn	Nút chặn kim luồn (có cổng bơm thuốc)
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
3	121	041DA002	Dây thông tiểu hai nhánh các số	Foley Chroma 2 nhánh các số
4	127	043KH001	Khóa 3 chia không dây cho sơ sinh	Khóa ba ngã không dây
Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị				
5	232	090MA001	Máy đo huyết áp loại cơ	Máy đo huyết áp Yamasu
6	237	090ON001	Ống nghe tim phổi	Ống nghe Yamasu
TỔNG CỘNG				
99	**CÔNG TY TNHH TBYT Y PHƯƠNG**			
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
1	130	041ON003	Ống đặt nội khí quản không bóng chèn, các số	ENDOTRACHEAL TUBE (PLAIN)
2	137	043ON001	Ống nẵng dùng 1 lần (máy gây mê giúp thở)	FLIP TAP CATHETER MOUNT
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
3	162	052CH009	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 Polyglycolic acid	NOVOSYN VIOLET 4/0, 70CM HR17
4	165	052CH012	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 2/0	MONOSYN VIOLET 2/0, 70CM HR26
TỔNG CỘNG				
100	**CÔNG TY TNHH TM DV Y SINH**			

Nhóm 11. Vật tư tiêu hao sử dụng trong IVF (TTON)				
1	299	080BA002	Bao đầu dò siêu âm âm đạo	Probe Cover - PC05
2	307	110CA003	Catheter IUI smoore long	Intra-Uterine Insemination Cannula #4225 Smooze Long
3	316	110KI004	Kim chọc hút trứng	Wallace Oocyte Recovery Needle - ON1733
TỔNG CỘNG				
101	**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM - CTCP**			
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế				
1	88	037TU007	Túi dẹp 150mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng MEDIPLAST loại dẹp 150mm x 200m
2	100	037TU013	Túi phồng 300mm x100m máy ép túi tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng MEDIPLAST loại phồng 300mm x 100m
TỔNG CỘNG				

ỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

tư tiêu hao, y dụng cụ và khí y tế năm 2019 -2020

Đ-BVTD ngày 19 tháng 03 năm 2020 của Bệnh viện Từ Dũ)

TÊN PM	TÊN CŨ	Mã CŨ	Quy cách	Đơn vị tính	Giá trúng thầu
			(7)	(8)	(11)
02/VTTHRR19BVTD/AL					
Giấy in monitor huntleigh đơn thai 152mm*150mm	giấy in monitor huntleigh đơn thai	14GI0011	40 xấp/ thùng	xấp	57,310
Giấy in monitor huntleigh song thai 143mm*150mm	giấy in monitor huntleigh song thai	14GI0012	28 xấp/ thùng	xấp	77,440
Giấy in monitor sản TOITU 152mm*150mm	Giấy in monitor sản TOITU 152mm x 150mm	01GI0103	20 xấp/ thùng	xấp	57,310
03/VTTHRR19BVTD/APM					
Bóng khởi phát chuyển dạ		KO	1 cái/Túi	Cái	3,045,000
Bộ khăn PT lấy thai có kèm túi tịch và màng PT	Bộ khăn PTLT có kèm túi dịch	13BO0019	6 bộ/ thùng	Bộ	586,000
Kềm heaney		KO	1 cái/ Túi	Cái	2,478,000
04/VTTHRR19BVTD/ASX					
Bóng trực tràng cỡ 9F	Bóng trực tràng 9F	13BO0027	01 bao/10 ống	Ống	498,520
Đầu dò âm đạo		KO	01 bao/1 cái	cái	975,000
Dây nối tube 101 intefeace		KO	01 hộp/25 ống	ống	385,000
Đĩa áp lực	Đĩa áp lực DIS 130	14DI0001	01 hộp/25 cái	cái	594,000
Điện cực sử dụng cơ khung xương chậu và ổ bụng		KO	01 hộp/15 miếng	miếng	390,000
Ống đo áp lực trong bàng quang 6F	Ống đo áp lực trong bàng quang 6F	01ON0090	01 hộp/10 ống	ống	368,500
05/VTTHRR19BVTD/BV					
Sonde Double JJ	Sonde Double JJ	01SO0001	Bao/ cái	Cái	320,000

06/VTTHRR19BVTD/BT					
Bông gòn hút nước	Gòn hút nước	13GO0007	Gói/1 kg	Kg	136,500
Gòn chích tiệt trùng 3*3	Gòn chích tiệt trùng 3*3	13GO0002	Gói/50gr	Gói	9,450
Tăm bông xét nghiệm nhựa 15cm, 1 đầu gòn lớn	Que gòn 15cm, đầu gòn lớn	02QU0005	Gói/10que	Que	459
Tăm bông (gạc cầu) tiệt trùng đường kính 3 cm	Gạc cầu sản khoa 30mm, 15cm	13GA0023	Gói/20 viên	Viên	1,050
Tăm bông (gạc cầu) tiệt trùng đường kính 5 cm	Gạc cầu sản khoa 50mm. 15cm	13GA0022	Gói/20 viên	Viên	1,092
Khăn trải có lỗ	Khăn trải có lỗ	02KH0001	Gói/1 cái	Cái	1,554
Khẩu trang có than hoạt tính	Khâu trang có than hoạt tính	13kh0001	Gói/1 cái	Cái	1,365
08/VTTHRR19BVTD/BM					
Bơm tiêm 50ml không kim, máy bơm tiêm tự động	Bơm tiêm 50cc (SD máy bơm tiêm)	01BOM074	Hộp 25 cái	Cái	8,000
Dây nối máy bơm tiêm 140 cm	Dây nối máy bơm tiêm 140cm	13DA0004	Hộp/ 100 cái	Cái	4,200
Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Dây thở oxy 2 nhánh NL; TE	02DA0030	Hộp/ 100 sợi	Sợi	4,000
Dây thông tiểu ba nhánh các số	Sonde foley 3 nhánh	01SO0030	Hộp/ 10 sợi	Sợi	25,000
Khóa 3 chia có dây 25 cm	Troivois có dây 25cm	01TR0012	Hộp/ 100 cái	Cái	3,900
Điện cực cắt đốt 24Fr, dạng vòng cắt, loại 1 chân		KO	Túi 1 cái	Cái	1,200,000
Điện cực đốt đầu hình banh đk 5mm, 24Fr, 1 chân		KO	Túi 1 cái	Cái	1,200,000
10/VTTHRR19BVTD/CPV					
Bộ dây thở Silicone sơ sinh	Bộ dây thở silicone sơ sinh	14BO0012	Hộp / bộ	Bộ	3,990,000
Bộ cảm biến lưu lượng	Neonat Flow sensor Insert (5x)	14NE0002	Hộp / cái	Cái	6,100,000
Lọc khuẩn thở ra dùng nhiều lần máy Esprit		KO	Hộp / cái	Cái	270,000

Sensor SpO2 Nellcor người lớn, dùng nhiều lần	Sensor đo SPO2 dùng nh lần cho NL TT với Nellcor	14SE0010	Gói / cái	Cái	1,354,500
Sensor SpO2 Philip sơ sinh, dùng nhiều lần	Sensor đo SPO2 quấn sơ sinh cho Philips	06SE0005	Gói / cái	Cái	1,260,000
11/VTTHRR19BVTD/CAO					
Găng tay các số chưa tt (dùng trong thăm dò, xn)	Găng 5 ngón (hấp, sạch) (280mm)	01GA0015	50đôi/hộp	Đôi	1,260
Găng tay y tế dài tiệt trùng	Găng y tế dài	01GA0076	40đôi/hộp	Đôi	13,650
12/VTTHRR19BVTD/DCYK					
Phim khô laser 20cm x 25cm	Phim khô laser 20cm x 25cm (H/150)	07PH0006	Hộp/150 tấm	Tấm	17,300
Phim khô laser 26cm x 36cm	Phim khô laser 26cm*36cm (hộp/150)	07PH0003	Hộp/150 tấm	Tấm	27,600
Phim khô laser 35cm x 43cm	Phim khô laser 35cm*43cm (H/100)	07PH0004	Hộp/100 tấm	Tấm	41,400
13/VTTHRR19BVTD/COD					
Găng tay chưa tiệt trùng, không bột	Găng 5 ngón (hấp, sạch) (280mm)	01GA0015	50 đôi / hộp	Đôi	1,192
Túi dẹp 100mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi dẹp 100mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	01TD002	6 cuộn/hộp	Cuộn	375,000
Túi dẹp 200mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi dẹp 200mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	01TD004	2 cuộn/hộp	Cuộn	590,000
Áo giấy	áo giấy(áo phẫu thuật)	13AO0001	10 cái / túi	Cái	13,000
14/VTTHRR19BVTD/CNX					
Dao mổ mở siêu âm		KO	6 cái (chiếc)/ hộp	Cái	11,457,075
Dao mổ siêu âm nội soi		KO	6 cái (chiếc)/ hộp	Cái	16,708,999
15/VTTHRR19BVTD/CPT					
Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi polyester số 0	Chỉ Protibond (Polyester) số 0	03CH0032	H / 24 tép/10 sợi	sợi	3,780

Chỉ Nylon số 0, kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp nylon (0)	03CH0037	H / 24 tép/ sợi	sợi	24,150
Chỉ Nylon 3/0, kim tam giác	Chỉ Nylon 3/0 (carelon)	03NY0005	H / 24 tép/ sợi	sợi	11,550
Chỉ Nylon 4/0, kim tam giác	Chỉ Nylon 4/0 (carelon)	03NY0006	H / 24 tép/ sợi	sợi	15,540
Chỉ Silk số 3/0, kim tròn	Chỉ Caresilk 3/0 kim tròn (mersilk)	03CA0006	H / 24 tép/ sợi	sợi	15,603
Chỉ tiêu Catgut Chromic số 0, kim tròn 26mm	Chỉ Chromic catgut số 0	03CR0003	H / 24 tép/ sợi	sợi	25,494
Chỉ tiêu Cagut Chromic số 1, kim tròn 40mm	Chỉ tiêu SH Catgut Chrom UPS 1- 70-100cm, kim 40mm	03CH0098	H / 24 tép/ sợi	sợi	24,549
Chỉ tiêu Cagut Chromic số 2, kim tròn 50mm	Chỉ Chromic Catgut 2kim tròn lớn 50mm	03CH0038	H / 24 tép/ sợi	sợi	26,250
Chỉ tiêu Cagut Chromic số 2/0, kim tròn 30mm	Chỉ Chromic catgut 2/0 VN	03CR0002	H / 24 tép/ sợi	sợi	25,494
Chỉ tiêu Cagut plain số 2/0, kim tròn 36mm	Chỉ Catgut plain 2/0-vn	03CH0010	H / 24 tép/ sợi	sợi	23,499
Chỉ tổng hợp đa sợi tan nhanh số 3/0	Chỉ tiêu TH đa sợi(Caresorb rapid 3/0)	03CA0015	H / 36 tép/ sợi	sợi	63,189
16/VTTHRR19BVTD/CL					
Bơm tiêm 10ml kim 25		KO	Hộp/100	Cái	860
Bơm tiêm 1ml kim 25	Bơm tiêm 1cc kim 25	01BO0005	Hộp/100	Cái	565
17/VTTHRR19BVTD/ĐL					
Dây oxy 2 nhánh sơ sinh (XS)	Dây oxy 2nhánh sơ sinh	02DA0007	Hộp/100 sợi	Sợi	3,979
Ống hút nhớt số 10	ống hút nhớt số 10	01TU0013	Hộp/10 sợi	Sợi/ ống	1,885
Cây đè lưỡi	Cây đè lưỡi nhựa	01CA0010	Hộp/100 cái	Cái	248
18/VTTHRR19BVTD/ĐB					
Túi chứa oxy (dùng cho bóp bóng)	Túi trữ khí oxy	14TU0013	50 cái/thùng"	Cái	52,500
19/VTTHRR19BVTD/ĐC					
Chỉ Silk số 3/0, không kim	Chỉ Caresilk 3/0 không kim	03CA0002	Hộp/ 12 tép x 10 sợi	Sợi	1,465

Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi tan nhanh số 2/0	Chỉ tiêu TH Healthium 2/0; 90cm, kim 37mm	03HE0001	Hộp/ 12 sợi	Sợi	40,390
Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 0	Chỉ optime 0	03OP0001	Hộp/ 36 sợi	Sợi	68,525
Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1 Polyglycolic acid		KO	Hộp/ 36 sợi	Sợi	68,525
Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone số 3/0	Chỉ Monocryl 3/0 W3437 (h/12s)	03MO0003	Hộp/ 36 sợi	Sợi	147,835
Chỉ tiêu tổng hợp polydioxanone số 3/0	Chỉ tiêu TH đơn sợi Monotime số 3, dài 70, kim 26	03CH0090	Hộp/ 36 sợi	Sợi	102,984
Chỉ tiêu tổng hợp polydioxanone số 4/0		KO	Hộp/ 36 sợi	Sợi	109,977
20/VTTHRR19BVTD/ĐG					
Dây nối dụng cụ lưỡng cực chuẩn dẹt 2 chấu cắm rời		KO	1 sợi/Bịch	Sợi	2,383,500
Dây cắt đốt đơn cực	Dây cắt đốt đơn cực TT máy EXCELL/	06DA0136	Cái/Gói	Cái	39,900
Tấm điện cực dán (máy cắt đốt SD 1 lần)		KO	5 Cái/Bịch	Cái	44,100
Bóp bóng giúp thở silicon người lớn	Bóp bóng giúp thở silicon NL	06BO0192	bộ/Hộp	Bộ	661,500
Bóp bóng giúp thở silicon trẻ em, sơ sinh	Bóp bóng giúp thở silicon TE; SS	06BO0193	Bộ/Hộp	Bộ	703,500
Lọc vi khuẩn có cổng đo CO2	oxy)(lọc VK 1CN)	01FI0055	Cái/bịch	Cái	17,850
Bình làm ẩm/ấm khí thở không lõi nhôm sơ sinh	Bình làm ẩm oxy	14BI0001	Cái/Hộp	Cái	1,890,000
Lưỡi cong Mac 4		KO	Cái/Hộp	Cái	4,515,000
Dây đốt cao tần đơn cực, 1 chân cắm	Dây đốt cao tần đơn cực (277)	09DA0004	Sợi/Bịch	Sợi	1,858,500
Dây đốt cao tần lưỡng cực PT nội soi buồng tử cung		KO	Dây/Bịch	Dây	2,908,500
Dây đốt cao tần lưỡng cực PT nội soi ổ bụng		KO	Cái/Bịch	Cái	2,593,500
Ron trocar 11mm		KO	10 cái/ Bịch	Cái	105,000
Ron trocar 6mm		KO	10 cái/Bịch	Cái	105,000
Kềm hình tim răng, thẳng dài 220-250mm		KO	Cái/Bịch	Cái	1,081,500
Kềm Kelly cong, dài 160mm		KO	Cái/Bịch	Cái	619,500
Kềm Kelly thẳng, dài 160mm		KO	Cái/Bịch	Cái	609,000
Cảm biến đo SPO2 cho trẻ em loại cầm tay		KO	Cái/Hộp	Cái	3,150,000
Nong Cổ Tử Cung - Số 3		KO	cái/Bịch	Cái	258,300

Nong Cổ Tử Cung - Số 3,5		KO	Cái/Bịch	Cái	286,650
Nong Cổ Tử Cung - Số 4		KO	Cái/Bịch	Cái	258,300
Nong Cổ Tử Cung - Số 4,5		KO	Cái/Bịch	Cái	286,650
Nong Cổ Tử Cung - Số 5		KO	Cái/Bịch	Cái	258,300
Nong Cổ Tử Cung - Số 5,5		KO	Cái/Bịch	Cái	286,650
Nong Cổ Tử Cung - Số 6		KO	Cái/Bịch	Cái	450,450
Nong Cổ Tử Cung - Số 6,5		KO	Cái/Bịch	Cái	506,100
Nong Cổ Tử Cung - Số 7		KO	Cái/Bịch	Cái	450,450
Nong Cổ Tử Cung - Số 7,5		KO	Cái/Bịch	Cái	506,100
Nong Cổ Tử Cung - Số 8		KO	Cái/Bịch	Cái	470,400
Nong Cổ Tử Cung - Số 8,5		KO	Cái/Bịch	Cái	506,100
Nong Cổ Tử Cung - Số 9		KO	Cái/Bịch	Cái	470,400
Nong Cổ Tử Cung - Số 9,5		KO	Cái/Bịch	Cái	506,100
Nong Cổ Tử Cung - Số 10		KO	Cái/Bịch	Czi1	470,400
Nong Cổ Tử Cung - Số 10,5		KO	Cái/Bịch	Cái	506,100
Nong Cổ Tử Cung - Số 11		KO	Cái/Bịch	Cái	609,000
Nong Cổ Tử Cung - Số 11,5		KO	Cái/Bịch	Cái	735,000
Nong Cổ Tử Cung - Số 12		KO	Cái/Bịch	Cái	609,000
Nong Cổ Tử Cung - Số 12,5		KO	Cái/Bịch	Cái	735,000
Nong Cổ Tử Cung - Số 13		KO	Cái/Bịch	Cái	609,000
Nong Cổ Tử Cung - Số 13,5		KO	Cái/Bịch	Cái	735,000
Nong Cổ Tử Cung - Số 14		KO	Cái/Bịch	Cái	640,500
Nong Cổ Tử Cung - Số 14,5		KO	Cái/Bịch	Cái	766,500
Nong Cổ Tử Cung - Số 15		KO	Cái/Bịch	Cái	640,500
21/VTTHRR19BVTD/ĐV					
Túi dẹp 250mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi dẹp 250mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	01TD005	1bao/ cuộn	cuộn	680,000
Túi dẹp 300mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi dẹp 300mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	01TD006	1bao/ cuộn	cuộn	795,000
Túi dẹp 75mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi dẹp 75mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	01TD001	1bao/ cuộn	cuộn	215,000
22/VTTHRR19BVTD/ĐA					
Băng keo cá nhân	Băng keo cá nhân (Urgodurable)	13BA0007	Hộp/100 miếng	Miếng	262

Băng keo có gạc vô trùng 50x70mm	Băng keo Urgosterite 70x53mm có gạc VT	13BA0011	Hộp/50 miếng	Miếng	1,617
Kim chích các số	Kim chích các số (18,20,22,23)	01KI0001	Hộp/100 cái	Cái	294
Giấy in tương thích máy siêu âm UPP 110S 110mm*20m	Giấy in máy SA Sony UPP 110S	14GI0016	Hộp/10 cuộn	Cuộn	96,800
23/VTTHRR19BVTD/ĐL					
Dây truyền máu	Dây truyền máu	13DA0003	1 sợi/gói, 50 sợi/hộp	Sợi	8,484
25/VTTHRR19BVTD/ĐT					
Kim sử dụng cho buồng tiêm dưới da	Kim cong cánh bướm 20G*3/4	13KI0011	Hộp/50 cây	Cây	30,000
Buồng tiêm truyền dưới da	Buồng tiêm truyền dưới da	14BU0001	1 Bộ/Hộp	Bộ	4,100,000
26/VTTHRR19BVTD/EMC					
Bơm tiêm 3ml kim 25	Bơm tiêm 3cc + kim 25	01BO0019	100 cái/ hộp	cái	546
Bơm tiêm 5ml kim 23	Bơm tiêm 5cc kim 23	01BO0003	100 cái/ hộp	cái	535
28/VTTHRR19BVTD/GPCN					
Cassette chứa straw	Cassette chứa straw	08CA0005	cái	cái	66,600
Catheter bơm tinh trùng vào tử cung IUI	Catheter IUI (Sperm catheter)	08CAT001	cái	cái	53,500
Dụng cụ chứa phôi Cryotop	Cryotop	08DU0005	Cái	Cái	816,200
Kim chọc hút trứng non	Kim chọc hút trứng non	08KI0003	Cây	Cây	2,270,000
Kim Holding (tiệt trùng)	Kim Holding (TTON)*	08KI0006	cây	cây	240,000
29/VTTHRR19BVTD/HK					
Bóng đèn Xenon 300w	Bóng đèn XENON 300W	09BO0007	Cái/Hộp	Cái	19,824,000
Cán kềm Robi 5cm		KO	Cái/Hộp	Cái	13,329,750
Cây đốt mono lớn	Cây đốt mono lớn	09CA0012	Cái/Hộp	Cái	4,473,000
Cục nối CO2	Cục nối CO2	09CU0002	Cái/Hộp	Cái	1,121,400

Dây cáp quang học, đầu nối thẳng		KO	Cái/Hộp	Dây	15,498,000
Dây cáp quang học		KO	Cái/Hộp	Cái	15,498,000
Dây đốt cao tần đơn cực PT nội soi buồng tử cung		KO	Dây/Bao	Dây	2,094,750
Dây đốt cao tần đơn cực PT nội soi ổ bụng		KO	Dây/Bao	Dây	1,286,250
Điện cực 2 chân cắt đốt lưỡng cực, vòng cắt		KO	06 Cái/Hộp	Cái	3,790,500
Điện cực 2 chân đốt cầm máu lưỡng cực, đầu nhọn		KO	06 Cái/Hộp	Cái	4,110,750
Điện cực 2 chân đốt cầm máu lưỡng cực, đầu tròn bi		KO	06 Cái/Hộp	Cái	3,899,700
Điện cực xẻ cổ bàng quang, đầu nhọn		KO	06 Cái/Hộp	Cái	1,680,000
Bộ đốt lưỡng cực cỡ 2.4mm, dài 24.5cm		KO	Bộ/Hộp	Bộ	31,977,750
Bộ đốt lưỡng cực cỡ 2.4mm, dài 26cm		KO	Bộ/Hộp	Bộ	19,939,500
Bộ đốt lưỡng cực cỡ 3mm, dài 24.5cm		KO	Bộ/Hộp	Bộ	19,939,500

Dụng cụ phẫu tích đơn cực hình L dài 36 cm.		KO	Cái/Hộp	Cái	171,591,000
Dụng cu nâng vòm HOHL PT nội soi cắt tử cung		KO	Cái/Hộp	Cái	4,719,750
Hộp bảo quản và khử trùng dụng cụ bằng nhựa		KO	Cái/Hộp	Cái	30,975,000
Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh dụng cụ		KO	Cái/Hộp	Cái	8,400,000
Kềm giữ kim KOH hàm cong phải, tay gập góc		KO	Cái/Hộp	Cái	26,460,000
Kềm giữ kim KOH hàm cong trái, tay gập góc		KO	Cái/Hộp	Cái	26,460,000
Kéo cắt chỉ, cỡ 5 mm, dài 36 c		KO	Cái/Hộp	Cái	18,813,900
Kéo phẫu tích cong, cỡ 5 mm, dài 36 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	18,813,900

Kéo phẫu tích lưỡng cực METZENBAUM		KO	Cái/Hộp	Cái	52,190,250
Kẹp giữ kim KOH, hàm cong phải, tay cầm gập góc		KO	Cái/Hộp	Cái	26,460,000
Kẹp giữ kim KOH, hàm cong trái, tay cầm gập góc		KO	Cái/Hộp	Cái	26,460,000
Kẹp phẫu tích KELLY cong, cỡ 5 mm, dài 36 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	17,806,425
Kẹp phẫu tích lưỡng cực CLERMONT-FERRAND		KO	Cái/Hộp	Cái	42,546,000
Kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY		KO	Cái/Hộp	Cái	42,546,000

Kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5 mm, dài 33 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	19,246,500
Kẹp phẫu tích răng chuột MANHES		KO	Cái/Hộp	Cái	17,806,425
Kẹp phẫu tích SAWALHE 10mm, dài 36cm		KO	Cái/Hộp	Cái	21,157,500
Kẹp phẫu tích SAWALHE 12mm dài 36 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	24,486,000
Kẹp phẫu tích SAWALHE 5 mm, dài 36 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	20,790,000
Kẹp phẫu tích, cỡ 5 mm, dài 36 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	17,806,425
Kim bơm khí VERESS, dài 10 cm, với khóa LUER.		KO	Cái/Hộp	Cái	2,961,000
Kim dẫn dịch, khóa LUER		KO	Cái/Hộp	Cái	2,331,000

Kim nước	Kim nước	09KI0007	Cái/Hộp	Cái	840,000
Màn cảm biến áp lực		KO	10 Cái/Bao	Bao	2,971,500
Nòng trong cố định với đầu cách điện Ceramic		KO	Cái/Hộp	Cái	16,422,000
Nòng trong đầu tù dùng với ống vỏ ngoài cỡ 26Fr		KO	Cái/Hộp	Cái	3,664,500
Ống bơm hút dịch		KO	Bộ/Hộp	Bộ	8,683,500
Ống nối khóa LUER, đường kính 10mm		KO	Cái/Hộp	Cái	1,119,300
Ống soi 0 độ, đường kính 1,3mm, dài ≥ 30,6cm		KO	Cái/Hộp	Cái	128,730,000
Ống soi 0 độ, đường kính 2mm, dài ≥ 30cm		KO	Cái/Hộp	Cái	116,970,000
Ống soi quang học đường kính 10mm, dài 31cm		KO	Cái/Hộp	Cái	74,970,000

Ống soi quang học đường kính 4mm, dài 30cm		KO	Cái/Hộp	Cái	128,730,000
Ống thông buồng tử cung COHEN, có khóa LUER		KO	Cái/Hộp	Cái	13,450,500
Ống vỏ ngoài phẫu thuật, cỡ 26 Fr		KO	Cái/Hộp	Cái	23,593,500
Pedal máy đốt nội soi		KO	Cái/Hộp	Cái	27,300,000
Ron bên trong trocar 6mm		KO	05 Cái/Bao	Cái	220,920
Ruột kep đốt lưỡng cực, cỡ 2,4 mm, dài ≥ 24,5cm		KO	Cái/Hộp	Cái	3,979,500
Ruột kep đốt lưỡng cực, cỡ 2,4 mm, dài ≥ 26 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	1,837,500
Ruột đốt bipolar size 3 mm, dài ≥ 24,5cm		KO	Cái/Hộp	Cái	6,982,500
Ruột kềm kẹp ruột	ruột kềm kẹp ruột	09RU0015	Cái/Hộp	Cái	7,381,500
Ruột kềm pozzi		KO	Cái/Hôp	Cái	7,381,500
Ruột kềm robi 5 mm		KO	Cái /Hộp	Cái	34,324,500
Ruột kéo phẫu tích cong	Ruột kéo phẩu tích cong _34310MA	09RU0003	Cái/Hộp	Cái	8,388,975

Ruột kẹp đốt lưỡng cực	lưỡng cực_26176HW	09RU0004	Cái/Hộp	Cái	6,972,000
Ruột kẹp gắp mô		KO	Cái/Hộp	Cái	7,381,500
Tay cầm bào mô Rotocut G1		KO	Bộ/Hộp	Bộ	163,485,000
Tay cầm bào mô Rotocut G2		KO	Bộ/Hộp	Bộ	163,485,000
Tay cầm nhựa có khoá		KO	Cái/Hộp	Cái	5,815,425
Tay cầm nhựa không khóa	không khóa _33121	09TA0001	Cái/Hộp	Cái	5,815,425
Tay cắt nội soi , tay cắt ngược, 1 chân cắm		KO	Cái/Hộp	Cái	41,895,000
Tay cắt nội soi lưỡng cực (02 chân)		KO	Cái/Hộp	Cái	59,682,000
Trocar 2,6mm, dài 10cm (kẹp đốt lưỡng cực)		KO	Bộ/Hộp	Bộ	8,988,000
Trocar 3,2 x 4,95mm, dài 10cm (kẹp đốt lưỡng cực)		KO	Bộ/Hộp	Bộ	10,983,000
Trocar 3,6 x 5,4mm, dài 10cm (đốt bipolar)		KO	Bộ/Hộp	Bộ	10,983,000

Trocar kim loại trơn, cỡ 11mm		KO	Cái/Hộp	Cái	11,340,000
Trocar nhựa vòng xoắn, cỡ 6 mm, dài 6 cm		KO	Cái/Hộp	Cái	7,287,000
Võ kềm Robi		KO	Cái/Hộp	Cái	4,536,000
Vỏ ngoài cây đốt lưỡng cực nội soi	Vỏ ngoài cây đốt lưỡng cực nội soi	09VO0009	Cái/Hộp	Cái	2,982,000
Vỏ ngoài kềm kéo nội soi	Vỏ ngoài kềm kéo nội soi - Karl	09VO0010	Cái/Hộp	Cái	4,609,500
Vỏ ngoài ống soi, vỏ cong, đầu nhọn, 8Fr, 1mm		KO	Cái/Hộp	Cái	15,981,000
Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu nhọn, 8Fr,1mm		KO	Cái/Hộp	Cái	12,988,500
Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu nhọn, 9Fr,1mm		KO	Cái/Hộp	Cái	12,988,500
Vỏ ngoài ống soi, vỏ thẳng, đầu tù, 9Fr,1mm		KO	Cái/Hộp	Cái	12,988,500
Vỏ ngoài optic soi buồng tử cung 30 độ		KO	Cái/Hộp	Cái	8,337,000
Vỏ trong xoay tròn, luer, đầu cách điện ceramic		KO	Cái/Hộp	Cái	15,949,500
32/VTTHRR19BVTD/HA					
Núm đo điện tim dán ngực	Núm điện tim	01NU0034	50 cái/gói6000 cái/kiện	Cái	1,344
33/VTTHRR19BVTD/HAD					
Dây truyền dịch an toàn	Dây truyền dịch an toàn	13DA0002	Thùng/ 100 sợi	Sợi	10,752
Dây hút dịch phẫu thuật nhựa dẻo 10mm/12mm	Dây hút dịch phẫu thuật 10*1,7 tiệt trùng 2 lớp	01ON0009	100 Sợi / thùng	Sợi	12,117
Dây nối truyền dịch bơm tiêm điện 140cm Sơ sinh	Dây nối truyền dịch BTĐ 140cm	13DA0019	Hộp/ 25 sợi	Sợi	12,495
Dây thông tiểu một nhánh các số	Sonde Nelaton (Thông tiểu)	01SO0036	Hộp/ 100 sợi	Cái/ Sợi	4,200

Bộ dây bơm hút dịch phẫu thuật nội soi	Bộ dây bơm hút dịch PTNS	02BO0040	30 bộ / thùng	Bộ	33,936
34/VTTHRR19BVTD/HAV					
Banh vết thương US-Army		KO	Gói/bộ	Bộ	1,271,000
Bồn hạt đậu		KO	Gói/Cái	Cái	315,000
Cây đè ruột		KO	Gói/cây	Cây	681,000
Hộp nhôm kim 592 x 274 x 120mm		KO	Hộp/Cái	Hộp	11,235,000
Hộp nhôm kim (dòng Primeline Pro)		KO	Hộp/Cái	Hộp	7,209,000
Hộp nhôm kim 540 x 253 x 76 mm		KO	Gói/cái	Cái	14,214,000
Kelly dài cong to 20cm		KO	Gói/cái	Cái	1,271,000
Kềm Allis		KO	Gói/Cái	Cái	2,490,000
Kềm Rochester cong 200mm		KO	Gói/Cái	Cái	1,271,000
Kềm Tim Thẳng Có Răng		KO	Gói/Cái	Cái	1,224,000
Kềm Rochester cong 200mm		KO	Gói/Cái	Cái	1,271,000
Kéo Mayo cong 170mm		KO	Gói/Cái	Cái	869,000
Kéo Mayo cong 230mm		KO	Gói/Cái	Cái	1,348,000
Kẹp Kim 200mm (May Da Bụng)		KO	Gói/Cái	Cái	1,141,000
Muỗng Nạo Nhỏ		KO	Gói/Cái	Cái	2,147,000
Nhíp có mấu 16cm		KO	Gói/Cái	Cái	405,000
Nhíp có mấu 20cm		KO	Gói/Cái	Cái	606,000
Nhíp đầu tròn bóc hạch		KO	Gói/Cái	Cái	2,632,000
Nhíp không mấu 160mm		KO	Gói/Cái	Cái	329,000
Nhíp không mấu 200mm		KO	Gói/Cái	Cái	565,000
Nhíp Mấu 16Cm (May Da Bụng)		KO	Gói/Cái	Cái	405,000

Ống hút sắt		KO	Gói/Cái	Cái	2,735,000
35/VTTHRR19BVTD/HK					
Dây cho ăn số 16	Dây cho ăn số 16	01ON0033	Gói/ sợi	Sợi	2,500
Găng tay tiệt trùng, không bột	Găng tiệt trùng không bột	01GA0002	Hộp/50 đôi	Đôi	3,600
Kim lấy máu (Lancets)	Lancest (H/200)	01LA0030	Hộp/200 cái	Cái	140
Ống hút nhớt số 16	ống hút nhớt số 16	01ON0011	Gói/ sợi	Sợi	1,500
Ống hút nhớt số 8 có kiểm soát	ống hút nhớt số 8 có kiểm soát	01ON0006	Gói/ sợi	Sợi	1,500
Thông khi đường thở (Airway) số 3	Airway số 3	01AI0053	Gói/ cái	Cái	3,465
Dao mổ các loại	Dao mổ các loại (H/100)	01DA0022	Hộp/100 cái	Cái	740
Lame mờ	Lame mờ	02LA0021	Hộp/72 miếng	Miếng	240
Giấy in máy điện tim 3 kênh 63mm x 30m	Giấy in máy điện tim 3 kênh 63mm x 30m	01GI0101	Thùng/100 cuộn	Cuộn	14,000
36/VTTHRR19BVTD/HL					
Sonde niệu quản (Pezzer) các số	Sonde Pezzer các số	01SB0075	1c/ gói vô trùng	Cái/ Sợi	17,850
37/VTTHRR19BVTD/HVL					
Bơm tiêm sử dụng trong TTON 10ml	Bơm tiêm 10cc (TTON)	01BO0006	Hộp 100 cái	Cái	3,780
Bơm tiêm sử dụng trong TTON 1ml kim 26	Bơm tiêm 1cc (TTON)	01BO0010	Hộp 100 cái	Cái	2,436
38/VTTHRR19BVTD/HTM					
Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng 50ml	Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng 50ml	04LO0001	100 Cái/ Bịch (600 Cái/ Thùng)	Cái	1,561
Ống nghiệm Citrate	ống nghiệm Citrate	02ON0062	Hộp/ 100 ống	Ống	714
Ống nghiệm Edta	ống nghiệm Edta	02ON0064	Hộp/ 100 ống	Ống	758
Ống nghiệm Edta nắp đậy cao su	ống nghiệm EDTA nắp đậy cao su	02ED0001	Hộp/ 100 ống	Ống	1,028
Ống nghiệm Heparin	ống nghiệm Heparin	02ON0045	Hộp/ 100 ống	Ống	798
Ống nghiệm Serum	ống nghiệm Serum (tube máu đông)	02ON0063	2,500 Ống/ Thùng	Ống	798
40/VTTHRR19BVTD/HP					

Mask oxy nồng độ cao	Mask oxy nồng độ cao	06MA0006	g/1 cái	cái	12,600
41/VTTHRR19BVTD/IDS					
Dụng cụ sinh thiết nội mạc tử cung sử dụng một lần		KO	25 cái / túi	Cái	210,000
42/VTTHRR19BVTD/KD					
Băng keo vô trùng dạng trong suốt 60 x 70mm	Băng keo VT trong suốt 6*7cm(protectfilm	13BA0006	Hộp/ 100 miếng	Miếng	4,000
Bơm tiêm insulin 1ml	Bơm tiêm insulin 1cc (Omnican 100IU)	01BT0087	Hộp/ 100 cây	Cây	2,650
Test sinh học kiểm soát tiệt trùng vi sinh		14TE0005	Hộp/ 50 ống	Ống	45,000
43/VTTHRR19BVTD/KĐ					
Băng keo cuộn co dãn 10cm x 2,5m	Băng keo Urgoderm 2,5m*10cm	13UR0003	Hộp 4 cuộn	Cuộn	60,500
Băng keo cuộn co dãn 10cm x 4,5m	Băng keo Urgocrepe 10c mx 4.5m	13UR0002	Hộp 1 cuộn	Cuộn	132,675
Băng keo lụa lõi liền 2,5cm x 5m	Băng keo lụa lõi liền 5*2.5 (Urgosyval)	13BA0002	Hộp 12 cuộn	Cuộn	17,117
Băng keo vô trùng dạng trong suốt 73 x 80mm		KO	Hộp 50 miếng	Miếng	6,339
5/VTTHRR19BVTD/LDDA-THE					
Bông gòn không thấm nước	Gòn không thấm nước	13GO0001	Gói/ 1 kg	Kg	90,600
Gói xỏ lỗ tai	Gói xỏ lỗ tai	13GO0009	Gói 1 bộ/ Bao 100 gói	Gói	2,990
Gòn vấn không tiệt trùng fi 1,5*			Gói 100 gam	Gói	14,580
Gòn vệ sinh tiệt trùng fi 3*6	Gòn vệ sinh tiệt trùng fi 3*6 (100 gram)	13GO0012	Gói 100 gam	Gói	17,500
Tăm bông nhựa 1 đầu gòn, dài 7cm	Tăm bông nhựa 1 đầu gòn 7cm VT	13TB0001	Gói 20 cây	Cây/ Cái	84
Gạc cản quang đại 40x80cm x 5 lớp	Gạc cản Quang đại 40*80cm(PTOB)	13GA0006	Gói 10 miếng	Miếng	9,419
Gạc cản quang nhỏ 10x40cm x 5 lớp	Gạc cản Quang nhỏ 10*40cm(PTOB)	13GA0007	Gói 100 miếng	Miếng	1,620
Gạc cản quang trung 40x40cm x 5 lớp	Gạc cản quang trung 40*40cm(PTOB)	13GA0001	Gói 40 miếng	Miếng	4,639
Gạc củ ấu sản khoa 6cm x 6cm x 6 lớp, tiệt trùng	Gạc củ ấu sản khoa vt	13GA0020	Gói 10 miếng	Miếng	360
Gạc củ ấu sản khoa, 6cm x 6cm x 6 lớp, không tt	Gạc củ ấu sản khoa kvt	13GA0011	Gói 100 miếng	Miếng	280

Gạc dẫn lưu 0,75cm x 100cm x 4 lớp, tiệt trùng	gac dẫn lưu 0.75x100x4 , VT	13GA0019	Gói 1 cái	Cái	1,150
Gạc hút tiệt trùng 20 x 7cm x 8 lớp	Gạc hút 20*7*8	13GA0002	Gói 10 cái	Cái	745
Gạc hút tiệt trùng 23 x 7cm x 4 lớp	Gạc hút tiệt trùng 7*23cm*4 lớp	13GA0003	Gói 10 cái	Cái	561
Gạc lót đốc kim 3cm x 4cm x 4 lớp, tiệt trùng	Gạc lót đốc kim	13GA0008	Gói 10 miếng	Miếng	128
Gạc 10cm x 120cm x 8 lớp, tiệt trùng	Gạc meche 10*120*8	13GA0018	Gói 1 cái	Cái	8,400
Gạc 5cm x 120cm x 8 lớp, tiệt trùng	Gạc meche 5*120*8	13GA0016	Gói 1 cái	Cái	4,725
Găng tay các số tt (dùng trong thủ thuật, PT)	Găng tay tiệt trùng (VN)6,5-7-7,5	01GA0059	50 đôi / hộp - 400 đôi / thùng	Đôi	3,310
Dây nối có khoá tiệt trùng, dài 30cm	Dây nối có khóa tt dài 30cm	13DA0017	Hộp 100 sợi/ Thùng 600 sợi	Sợi	3,800
Ống nghiệm nhựa có nắp 13x100mm	ống nghiệm nhựa có nắp 13x100mm	02ON0005	500 ống/ gói	Ống	625
47/VTTHRR19BVTD/MDT					
Bộ banh bụng Balfour		KO	Gói/ bộ	Bộ	8,116,500
Cán Dao Số 3 (May Da Bụng)		KO	Gói/ cái	Cái	128,100
Cán Dao Số 4		KO	Gói/ cái	Cái	140,700
Chén chun		KO	Gói/ cái	Cái	399,000
Clamp kẹp ruột, cong		KO	Gói/ cái	Cái	1,287,300
Clamp kẹp ruột, thẳng		KO	Gói/ cái	Cái	1,215,900
Fixchamp		KO	Gói/ cái	Cái	304,500
Kelly Dài Thẳng 20Cm		KO	Gói/ cái	Cái	550,200
Kềm Babcock		KO	Gói/ cái	Cái	2,221,800
Kềm Babcock dài 200mm		KO	Gói/ cái	Cái	663,600
Kềm Hình Tim Nhỏ		KO	Gói/ cái	Cái	579,600
Kềm kocher, dài 160mm		KO	Gói/ cái	Cái	359,100
Kềm Kocher 185 mm		KO	Gói/ cái	Cái	424,200
Kềm Kocher, dài 200mm		KO	Gói/ cái	Cái	501,900

Kềm pozzi 2 răng		KO	Gói/ cái	Cái	483,000
Kềm Sát Trùng Thẳng		KO	Gói/ cái	Cái	535,500
Kéo Metjenbaum dài 180mm		KO	Gói/ cái	Cái	394,800
Kéo Metjenbaum 180-200mm		KO	Gói/ cái	Cái	508,200
Kéo Metjenbaum dài 230mm		KO	Gói/ cái	Cái	758,100
Kẹp khăn		KO	Gói/ cái	Cái	294,000
Kẹp mạch máu Pean thẳng, dài 200mm		KO	Gói/ cái	Cái	550,200
Kocher Dài 20cm		KO	Gói/ cái	Cái	501,900
Mỏ Vịt banh âm đạo Collin		KO	Gói/ cái	Cái	766,500
Mỏ Vịt Nội Soi		KO	Gói/ cái	Cái	766,500
Thước Đo cổ tử cung		KO	Gói/ cây	Cây	304,500
48/VTTHRR19BVTD/MTL					
Lọ chứa tinh trùng 150ml	Lọ chứa tinh trùng 150ml	08LO0003	350 cái/thùng	cái	5,200
Catheter de frydman TM 4.5mm	Catheter de frydman TM 4.5mm	08CA0003	25 cái/hộp	cái	409,080
51/VTTHRR19BVTD/MER					
Bao cao su	Bao cao su	01BA0009,01BA0003	1 bao cao su đóng vào 1 foil nhôm, 3 gói/ vỉ, 144	Cái	500
52/VTTHRR19BVTD/MET					
Giấy cầm máu 10 x 20 cm tiệt trùng	Giấy cầm máu (Surgicel 10*20)	13GI0001	Hộp/ 12 miếng	Miếng	350,000
53/VTTHRR19BVTD/MP					
Găng 2 ngón	Găng 2 ngón	01GA0014	1.000 Cái/thùng	Cái	1,239
54/VTTHRR19BVTD/KTH					
Que cấy nhựa dùng một lần cỡ 10 ul, đầu tròn		KO	Qói/02 que	Que	973
Tăm bông xét nghiệm nhựa 15cm, một đầu gòn nhỏ	Tăm bông nhựa ngắn (que xn)	01TA0028	gói/05 que	cây/que	197

Ống thông dẫn dịch tiệt trùng số 28	ống thông tiệt trùng size 28	01ON0003	Hộp/10 cái/sợi (Gói/50 cái)	cái	6,300
Kim khâu 9 x 24 các loại	Kim khâu 9*24 các loại	01KI0029	gói/10 cây	cây	987
Chổi phết tế bào âm đạo (tiệt trùng)	Chổi phết tê bào âm đạo(Cytology Brush)	04SC0001	Hộp/500 cái	cái	6,600
Que phết tế bào âm đạo	Spatula (Que phết tê bào âm đạo)	01SP0077	Hộp/100 cái	cái	618
Bao vải và túi hơi huyết áp kế		KO	gói/cái	cái	49,350
Bình làm ẩm Oxy	Bình làm ẩm Oxy	02BI0004	Gói/cái	cái	80,300
Bo huyết áp kế		KO	gói/cái	cái	13,640
Van huyết áp kế		KO	gói /10 cái	cái	13,640
Giấy điệm tim 3 kênh 80x20m	Giấy điện tim 3 kênh 80mm*25m	01GI0037	Thùng/120 cuộn	Hộp/Cuộn (Cuộn)	17,930
Giấy in máy điện tim 110mm*140mm	giấy in máy điện tim 110*140*142mm	14GI0009	Xấp/143 tờ, Thùng/60 xấp	xấp	25,300
Giấy in monitor sản COROMETRIC 152mm*90mm	Giấy in monitor sản COROMETRIC 152mm x 90m	01GI0102	Thùng/80 xấp	Cuộn (xấp)	27,940
Xe lăn Inox người lớn	Xe lăn Inox người lớn Phana	10XE0010	Thùng/ cái	cái	1,470,000
55/VTTHRR19BVTD/NL					
Kim cánh bướm 23G	Kim cánh bướm 23G	13KI0005	Hộp/100 cái	Cái	945
Kim lấy máu tương thích máy thử đường huyết		KO	Hộp/100	Cái	210
Dây thông tiểu hai nhánh số 20	Sonde Folley 20	01SO0020	Hộp/ 10 cái	Cái	9,450
Mặt nạ gây mê các cỡ	Mặt nạ gây mê	06MA0042	Thùng/ 100 cái	Cái	27,825
57/VTTHRR19BVTD/NM					
Kim sinh thiết chân không 7G,10G,12G		KO	Hộp/5 Cái	Cái	8,500,000
58/VTTHRR19BVTD/NHUA					
Bơm tiêm 10ml không kim	Bơm tiêm 10cc không kim	01BO0016	Cái/Túi	Cái	813
Bơm tiêm 10ml kim 23	Bơm tiêm 10cc kim 23	01BO0002	Cái/Túi	Cái	813

Bơm tiêm 20ml không kim	Bơm tiêm 20cc không kim	01BO0008	Cái/Túi	Cái	1,350
Bơm tiêm 3ml kim 23	Bơm tiêm 3cc kim 23	01BO0004	Cái/Túi	Cái	550
Bơm tiêm 50ml không kim, đầu lớn, sử dụng cho ăn	Bơm tiêm 50cc không kim (đầu lớn)	01BO0027	Cái/Túi	Cái	2,950
Bơm tiêm 50ml không kim, đầu nhỏ	Bơm tiêm 50cc không kim	01BO0001	Cái/Túi	Cái	2,950
Dây cho ăn số 10	Dây cho ăn số 10-16	01DA0002	Sợi/Túi	Sợi	2,650
Dây truyền dịch 20 giọt không màng lọc	Dây truyền dịch không màng lọc	13DA0018	Sợi/Túi	Sợi	2,950
Kẹp rốn tiệt trùng	Kẹp rún tiệt trùng	01KE0023	Cái/Túi	Cái	835
Sonde hậu môn (rectal) số 28	Sonde Rectal số 28	01RE0087	Sợi/Túi	Sợi	2,650
Mặt nạ khí dung các cỡ	Mask xông khí dung	06MA0017	Cái/Túi	Cái	10,400
Mỏ vịt nhựa tiệt trùng	Mỏ vịt nhựa	01MO0042	Cái/Túi	Cái	2,690
			50 cái/ thùng	Cái	29,280
60/VTTHRR19BVTD/PT					
Kim hút mẫu tube chân không 22G x 1.5 inch	Kim đốc đục	01KI0030	1000 cây/ thùng	Cây	3,500
Kim hút mẫu tube chân không, đốc trong	Kim 22G đốc trong 5ml	01KI0009	1000 cây/ thùng	Cây	4,400
Ống nghiệm Citrate chân không 13*75mm	Ống nghiệm Citrate chân không 13x75	04TU0006	1000 ống/ thùng	Ống	3,900
Ống nghiệm Edta chân không 13*75mm	tube edta chân không 13*75	04TU0011	1000 ống/ thùng	Ống	2,600
Ống nghiệm Litium heparin chân không 13*75mm	Tube Litium heparin chân không 13x75	04TU0007	1000 ống/ thùng	Ống	2,900

Ống nghiệm serum chân không 4-6 ml, 13*75mm	Ống nghiệm Serum chân không	04TU0010	1000 ống/ thùng	Ống	2,275
Bơm tiêm nước muối 3ml, luer-lock		KO	"30 cây/hộp,480 cái/thùng"	Cây	14,500
Bơm tiêm nước muối 5ml, luer-lock	Bơm tiêm nước muối 5ml	01BO0030	"30 cây/hộp,480 cái/thùng"	Cây	15,500
Bơm tiêm nước muối 10ml, luer-lock	Bơm tiêm nước muối 10ml	01BO0031	"30 cây/hộp,480 cái/thùng"	Cây	16,500
Bộ kim luồn an toàn kín các cỡ 18-24G		KO	"20 bộ/hộp,80 bộ/thùng"	Bộ	146,000
Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml, 23G/25G		KO	100 chiếc/ thùng	Chiếc	34,000
61/VTTHRR19BVTD/PP					
Chỉ tan tổng hợp có gai	Chỉ Vloc	03VI0010	12 tép/hộp	Tép	462,000
Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 0	Chỉ tan Polysorb 0 90cm GS-24	03PO0005	36 tép/hộp	Tép	78,000
63/VTTHRR19BVTD/Q					
Khí CO2 dược dụng	Khí CO2 dược dụng	16KH0001	Kg	Kg	11,550
Khí NO	Bình khí NO	16BI0001	Chai 10 lít	Chai	27,500,000
Khí Oxy 0.5 m3	Khí Oxy (2m3/chai)	16KH0002	0,5 m3/chai	Chai	30,800
Khí Oxy 2 m3	Khí Oxy (2m3/chai)	16KH0002	2m3/ chai	chai	33,000
Khí Oxy 6 m3	Khí Oxy(6m3/chai)	16KH0003	6m3/chai	chai	56,991
Nitơ chai 99,99 %	Nitơ chai (99,99%)	16NI0001	6m3/ chai	chai	132,000
Nitơ lỏng	Nitơ lỏng	16NI0002	Kg	Kg	8,800
Oxy lỏng	Khí oxy lỏng	16KH0004	Kg	Kg	4,697
64/VTTHRR19BVTD/QT					
Băng keo có gạc vô trùng 200 x 90 mm	Băng keo có gạc vô trùng 200*90 (mm)	13BA0008	Hộp 25 miếng	Miếng	4,800
Kim gây tê tủy sống 20G	Kim gây tê tủy sống 20 (Spinocan)	13SP0004	Túi 1 cây	Cây	15,000
Kim sinh thiết gai nhau, dài 150mm, tiệt trùng	Kim sinh thiết gai nhau (gói 10 cây)	01KI0004	Túi 1 cây	Cây	900,000
65/VTTHRR19BVTD/QN					

Kim sinh thiết lõi tự động tương thích súng magnum		KO	Mỗi cái trong bao cứng vô trùng. Hộp 20 cái	Cái	720,000
Kim sinh thiết lõi bán tự động		KO	Mỗi bộ trong bao cứng vô trùng. Hộp 10 bộ	Bộ	650,000
69/VTTHRR19BVTD/SN					
Lưỡi dao cắt tiêu bản MX35	Lưỡi dao cắt tiêu bản MX35	06LU0053	Hộp/50 cái	Cái	72,820
Cassette nhựa có nắp	Cassette nhựa có nắp	02CA0002	Hộp/500 cái	Cái	5,900
Đầu in cho máy in cassette		KO	Hộp/cái	Cái	32,200,000
Đầu in cho máy in lam kính		KO	Hộp/ cái	Cái	64,800,000
Lam nhuộm hóa mô miễn dịch		KO	Hộp/72 cái	Hộp	1,363,824
Ribbon nhiệt cho máy in cassette		KO	Gói/5 cuộn	Cuộn	3,000,000
Ribbon nhiệt cho máy in lam kính		KO	Gói/ cuộn	Cuộn	6,710,000
		71/VTTHRR19BVTD/LDSS-AN			
Đầu cone có lọc dùng cho sinh học phân tử 200 ul		KO	Hộp/ 96 cái	Cái	1,890

Tube 15 ml đáy nhọn, nắp vặn (tiệt trùng)	Tube 15ml đáy nhọn tiệt trùng	08TU0007	50 cái/Túi	Cái	4,700
73/VTTHRR19BVTD/TH					
Kim luồn tĩnh mạch có van 24G	Kim luồn tĩnh mạch 24	13KI0002	Hộp/ 50 cây	Cây	12,600
Dây dẫn đường chụp chẩn đoán đầu thẳng	Dây dẫn đường chụp chẩn đoán đầu thẳng	14DA0038	Hộp/ 5 cái	Cái	550,000
74/VTTHRR19BVTD/TT					
Catheter tĩnh mạch trung tâm 7F, 1 đường	Catheter TM trung tâm 7F 1 đường	13KI0007	01 cái/bao	Bộ	195,000
76/VTTHRR19BVTD/TBYTHN					
Túi ép 100mm x 70m	Túi ép TYVEK 100mm x 70m	01TY001	Thùng / 6 cuộn	Cuộn	1,484,385
Túi ép 150mm x 70m	Túi ép TYVEK 150mm x 70m	01TY002	Thùng/ 4 cuộn	Cuộn	2,261,700
Túi ép 200mm x 70m	Túi ép TYVEK 200mm x 70m	01TY003	Thùng/ 4 cuộn	Cuộn	2,707,740
Túi ép 250mm x 70m	Túi ép TYVEK 250mm x 70m	01TY004	Thùng/ 4 cuộn	Cuộn	2,937,165
Túi ép 350mm x 70m	Túi ép TYVEK 350mm x 70m	01TY005	Thùng/ 2 cuộn	Cuộn	4,129,965
Băng đựng hóa chất tương thích máy STERRAD 100S	Băng đựng hóa chất STERRAD 100S	02BA0010	Hộp/5 băng(băng = cái)	Cái	1,852,305
Bộ bảo dưỡng PM Kit 2 tương thích máy STERRAD 100S	Bộ Bảo dưỡng PM Kit 2	14BO0052	Hộp/1 Bộ	Bộ	27,665,000
Que test hóa học tương thích máy STERRA 100S	Que test hoá học máy TK plasma	14QU0001	Thùng 4 hộp, hộp 250 que	Que	2,038
Chỉ khâu hở eo cổ tử cung polyester, hai kim tròn	Chỉ Mersilene Strip RS22	03ME0019	Hộp/ 6 sợi	Sợi	392,175
Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 0	Chỉ Prolene 0 W8430	03PR0001	Hộp/ 12 sợi	Sợi	99,435
Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 2/0	Chỉ Prolene 2/0 W8526	03CH0002	Hộp/ 12 sợi	Sợi	136,080
Chỉ Nylon số 0 (polyamide), kim tam giác	Chỉ Ethilond 0 (W737)	03CH0024	Hộp/ 12 sợi	Sợi	85,155
Chỉ tiêu tổng hợp polyglatin 910 số 0, triclosan	Chỉ Vicryl plus 0,VCP358H (H/36)	03VI0001	Hộp/ 36 sợi	Sợi	99,015
Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0	Chỉ Vicryl 3/0 75cm W9114	03VI0028	Hộp/ 12 sợi	Sợi	78,645

Chỉ tiêu tổng hợi đơn sợi polyglecaprone số 0	Chỉ Monocryl 0 w3442 (h/12)	03MO0001	Hộp/ 12 sợi	Sợi	163,170
Chỉ tiêu tổng hợp Polydioxanone 5/0, 2 kim tròn	Chỉ PDS II 5/0 W9201H	03CH0035	Hộp/ 36 sợi	Sợi	204,014
77/VTTHRR19BVTD/TTB					
Tăm bông gỗ phết mẫu xét nghiệm	Tăm bông gỗ phết mẫu xn	01TA0050	1 Cây/ ống	Cây	1,320
Túi đựng nước tiểu	Túi đựng nước tiểu	01TU0048	1 Cái/ gói	Cái	4,070
Dây garose		01GA0043	10 Sợi/ gói	Sợi	1,890
Ống hút điều kinh 4,5,6	Ống hút điều kinh 4,5,6 tiệt trùng từng cái	01ON0032	1 Ống/ gói	Ống	2,520
Bao đầu camera nội soi vô trùng	Bao camera nội soi vô trùng	02BA0003	1 Cái/ gói	Cái	6,090
Ống nghiệm nhựa không nắp 5ml	ống nghiệm nhựa không nắp VN 5ml	02ON0053	500 Ống/ gói	Ống	205
Đĩa petri nhựa 90mm x 15mm	Đĩa petri 100 ml	08DI0003	20 Cái/ gói	Cái	1,562
Bộ khăn phẫu thuật nội soi có áo PT và gạc	Bộ khăn Phẫu thuật nội soi	13BO0009	1 Bộ/ gói	Bộ	333,900
Bộ khăn tiểu phẫu phụ khoa	Bộ khăn tiểu phẫu phụ khoa	13BO0011	1 Bộ/ gói	Bộ	86,100
Giầy giấy	Giầy giấy	13GI0002	1 đôi/ gói	Đôi	1,470
Giấy gói 90cm x 90cm	Giấy gói dụng cụ nội soi 90 x 90	01GI0024	50 Tờ/ gói	Tờ	7,140
Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng dây cột	Khâu trang 3 lớp tiệt trùng(dây buột)	13KH0002	1 Cái/ gói	Cái	798
Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng dây thun	Khâu trang 3 lớp tiệt trùng(dây thun)	13KH0003	1 Cái/ gói	Cái	504
Nón giấy tiệt trùng thun đơn	Nón giấy tiệt trùng thun đơn	13NO0003	1 Cái/ gói	Cái	620
78/VTTHRR19BVTD/TMCV					
Băng keo hấp chỉ thị màu	Băng keo hấp	13BA0004	48 Cuộn / Thùng	Cuộn	89,539
Tép kiểm soát hơi nước (chỉ thị hóa học)	Tép kiểm soát hơi nước (chỉ thị hóa học)	13TH0001	250 Miếng / Túi	Miếng	1,025
79/VTTHRR19BVTD/TA					
Chai nuôi cấy 25cm2	Chai nuôi cấy 25cm2	08CH0010	10 chai/gói	Chai	25,000

Đầu cone có phine lọc 1.000 mcl	Đầu cone có lọc 1000mcl	04DA0014	Hộp/96 cái	Cái	1,300
Đầu cone có phin lọc 10 mcl	Đầu cone có lọc loại dài 10mcl	04DA0012	Hộp/96 cái	Cái	1,330
Đầu cone có phin lọc 100 mcl	Đầu cone có lọc các kích cỡ	04DA0017	Hộp/96 cái	Cái	1,330
Đầu cone vàng 200 mcl	Đầu cone vàng 10-100ml	02DA0008	Hộp/1.000 cái	Cái	81
Micropipette 5 ml		KO	1 cái/hộp	cái	5,500,000
Ống ly tâm 1,5ml, khóa an toàn		KO	500 cái/gói	Cái	1,000
Ống ly tâm 2ml, khóa an toàn		KO	500 cái/gói	Cái	2,100
Pipet nhựa xét nghiệm 1ml	Pipet nhựa 1ml	02PI0058	500 cái/ Hộp	Cái	670
Pipet nhựa xét nghiệm 3ml		KO	500 cái/ Hộp	Cái	670
Pipette 1 kênh 10-100 microlit	Pipette 1 kênh 10-100 microlit	04PI0104	1 cái/hộp	Bộ	5,500,000
Pipette pasteur 150mm không tiệt trùng	Pipette Pasteur 150mm không TT	08PI0009	250 cái/ hộp	Cái	850
Pipette Pasteur 150mm tiệt trùng	Pipette Pasteur 150mm tiệt trùng	08PI0010	25 cái/ gói	Cái	6,000
Dụng cụ chứa Cryotube	Cây dụng cụ chứa Cryotube	08DU0006	48 cái/ thùng	Cái	49,000
Hộp cấy 4 giếng có kiểm tra với phôi trước	Hộp nuôi cấy 4 giếng	08HO0002	4 cái/ gói	Cái	42,000
Kim ICSI (tiệt trùng)	Kim ICSI (TTON)	08KI0005	10 cây/ hộp	cây	355,000
Lọ lưu trữ sinh phẩm (Cryotube) 1,8ml	Cryotube 1.8ml	08CRY002	50 cái/ gói	Cái	9,500
Pipette 10ml	Pipette 10ml (TTON)	08PI0004	100 cái/ gói	Cái	8,000
Pipette 1ml	Pipette 1ml (TTON) (pipet serol)	08PI0002	200 cái/ gói	Cái	6,000
Pipette 5ml	Pipette 5ml (TTON)	08PI0003	100 cái/ gói	Cái	8,000

80/VTTHRR19BVTD/TOT					
Bộ dây thở với dây nhiệt 51 máy Carefusion	Bộ dây thở với dây nhiệt 51_Carefusion	14BO0032	Gói / Bộ	Bộ	3,150,000
Bộ hút đàm kín các số	Dây hút đàm kín	02DA0003	Gói / Cái	Cái	135,450
Bao đo huyết áp theo máy monitor (SS,TE,NL)	Bộ dây và bao đo huyết áp không xâm lấn	06BO0031	Gói / Cái	Cái	154,000
Bóng đèn nội khí quản Macintosh người lớn		KO	Gói / Cái	Cái	220,000
Bóng đèn nội khí quản Macintosh sơ sinh		KO	Gói / Cái	Cái	220,000
Cán đèn cáp quang (tay cầm tiêu chuẩn, đèn Led)		KO	Gói / Cái	Cái	5,250,000
Sensor đo SPO2 dùng 1 lần tương thích máy Nellcor		KO	Gói / Cái	Cái	210,000
81/VTTHRR19BVTD/TT					
Ống đặt nội khí quản các số, có cổng bơm thuốc		KO	1 Cái/ Gói10 Cái/ Hộp	Cái/ Sợi	335,790
Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường	Bộ đo HA động mạch xâm lấn 1 đường	14BO0057	1 Cái/ Gói10 Cái/ Hộp	Cái	304,290
Lọc vi sinh cho điều áp hút	Lọc vi sinh cho điều áp hút	10LO0002	10 Ống/ Gói	Ống	567,000
83/VTTHRR19BVTD/YTCV					
Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 0 Polyglycolic acid	đa sợi số 0 dài 90cm kim 40mm	03CH0086	12 sợi/ hộp	Sợi	56,385
Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tiêu PegeSorb TH đa sợi 2/0 dài 90cm	03CH0084	12 sợi/ hộp	sợi	49,980
84/VTTHRR19BVTD/TH					
Kim gây tê tủy sống 22G	Kim gây tê tủy sống 22 (Spinocan)	13SP0003	Hộp/ 25 Cây	Cây	21,525
Kim gây tê tủy sống 25G, 27G	Kim gây tê tủy sống 27 (Spinocan)	13SP0002	Hộp/ 25 Cây	Cây	21,525
Kim gây tê tủy sống 29G	Kim gây tê tủy sống 29 (Spinocan)	13SP0001	Hộp/ 25 Cây	Cây	36,939
Kim luồn tĩnh mạch có van an toàn các số	Kim luồn TM có van an toàn (safety fep)	13KI0003	Hộp/ 50 Cây	Cây	15,300
Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ gây tê màng cứng (Perifix)	13BO0001	Thùng/ 10 Bộ	Bộ	274,470
88/VTTHRR19BVTD/VP					

Bộ khăn PT phụ khoa ổ bụng có áo PT và gạc	Bộ khăn phẫu thuật phụ khoa ổ bụng	13BO0010	04 bộ/hộp	Bộ	507,990
Bộ khăn sanh thường	Bộ khăn sanh thường	13BO0026	18 bộ/hộp	Bộ	261,450
90/VTTHRR19BVTD/VĐ					
Bóng dẫn lưu Silicone 150ml	Bóng dẫn lưu Silicone 150cc	02BO0030	1 cái/ gói	Cái	84,000
Ống đặt nội khí quản bóng trái khế số 6,5; 7; 7,5	ông đặt NKQ bóng trái khế số 7;7.5	02ON0050	1 cái/ gói	Cái	21,000
93/VTTHRR19BVTD/VT					
Cổng tiêm an toàn, không kim	không kim, dây 20cm	13CO0001	20 cái/ hộp	Cái	45,000
Dây truyền dịch an toàn 20 giọt/ml, không kim	Dây truyền dịch 20 giọt, cổng tiêm k kim, màng lọc	13DA0026	10 cái/hộp	Cái	59,880
95/VTTHRR19BVTD/VĐ					
Găng tay các số tiệt trùng (vn)	Găng tay tiệt trùng (VN)6,5-7-7,5	01GA0059	Hộp/ 50 đôi	Đôi	2,630
97/VTTHRR19BVTD/VTYTHN					
Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi dạng bện, số 2/0		KO	Hộp 24 sợi	Sợi	91,000
98/VTTHRR19BVTD/YK					
Dây cho ăn số 6 (có cản quang)	Sonde cho ăn số 6_VN	01SO0039	Hộp 70	Sợi	1,806
Nút đậy kim luồn	Nút đậy kim luồn	13NU0001	Hộp 300	Cái	819
Dây thông tiểu hai nhánh các số	Sonde Folley sô 12,14,16,18(catheter)	01SO0037	Hộp 10	Sợi	10,080
Khóa 3 chia không dây cho sơ sinh	Troivois không dây cho SS (Khóa 3 chia)	01TR0001	Hộp 50	Cái	2,415
Máy đo huyết áp loại cơ		KO	Hộp 1	Bộ	336,000
Ống nghe tim phổi	Ong nghe tim phổi	06ON0047	Hộp 1	Cái	94,500
99/VTTHRR19BVTD/YP					
Ống đặt nội khí quản không bóng chèn, các số	Sonde nội khí quản	01SO0035	Hộp/10 cái	Cái/ sợi	18,375
Ống nẵng dùng 1 lần (máy gây mê giúp thở)	Ống nẵng dùng 1 lần (máy gây mê giúp thở)	14ON0011	Hộp/10 cái	Cái	36,225
Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 Polyglycolic acid		KO	Hộp/36 sợi	Sợi	59,724
Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 2/0		KO	Hộp/36 sợi	Sợi	80,010
100/VTTHRR19BVTD/YS					

Bao đầu dò siêu âm âm đạo	Bao đầu dò siêu âm Tranvaginal*	01BA0002	50 cái/ gói	Cái	50,820
Catheter IUI smoore long	Catheter IUI smoore long (H/25)	08CA0004	25 cái/ hộp	Cái	98,028
Kim chọc hút trứng	Kim chọc hút trứng	08KI0004	10 cái /hộp	Cái	296,205
101/VTTHRR19BVTD/CTCP					
Túi dẹp 150mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi dẹp 150mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	01TD003	4 cuộn/ thùng	Cuộn	475,000
Túi phồng 300mm x 100m máy ép túi tiệt trùng	Túi phồng 300mm x 100m	01TP001	2 cuộn/ thùng	Cuộn	805,000

Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(12)	(13)
1,469	84,188,390
120	9,292,800
2,098	120,236,380
	213,717,570.00
2,880	8,769,600,000
60,480	35,441,280,000
20	49,560,000
	44,260,440,000.00
2,880	1,435,737,600
480	468,000,000
312	120,120,000
312	185,328,000
312	121,680,000
2,928	1,078,968,000
	3,409,833,600.00
960	307,200,000
	307,200,000.00

55	7,507,500
73,767	697,098,150
1,629,720	748,041,480
37,536	39,412,800
869,040	948,991,680
9,936	15,440,544
12,672	17,297,280
	2,473,789,434.00
276,349	2,210,792,000
155,102	651,428,400
64,128	256,512,000
72	1,800,000
174,360	680,004,000
2	2,400,000
2	2,400,000
	3,805,336,400.00
96	383,040,000
5	30,500,000
96	25,920,000

509	689,440,500
154	194,040,000
	1,322,940,500.00
5,422,210	6,831,984,600
28,152	384,274,800
	7,216,259,400.00
93,600	1,619,280,000
129,600	3,576,960,000
93,600	3,875,040,000
	9,071,280,000.00
84,960	101,272,320
230	86,250,000
1,075	634,250,000
20,162	262,106,000
	1,083,878,320.00
5	57,285,375
11	183,798,989
	241,084,364.00
1,729,152	6,536,194,560

6,024	145,479,600
129,989	1,501,372,950
365	5,672,100
5,184	80,885,952
3,298	84,079,212
67,224	1,650,281,976
2,592	68,040,000
157,440	4,013,775,360
91,200	2,143,108,800
5,760	363,968,640
	16,592,859,150.00
11,520	9,907,200
410,880	232,147,200
	242,054,400.00
60,696	241,509,384
106,546	200,839,210
216,960	53,806,080
	496,154,674.00
528	27,720,000
	27,720,000.00
51,840	75,945,600

56,400	2,277,996,000
60,000	4,111,500,000
1,152	78,940,800
5,952	879,913,920
1,728	177,956,352
86	9,458,022
	7,611,710,694.00
48	114,408,000
22,915	914,308,500
4,032	177,811,200
72	47,628,000
194	136,479,000
62,294	1,111,947,900
72	136,080,000
96	433,440,000
50	92,925,000
2	5,817,000
247	640,594,500
1,200	126,000,000
4,800	504,000,000
8	8,652,000
60	37,170,000
20	12,180,000
40	126,000,000
2	516,600

2	573,300
2	516,600
2	573,300
2	516,600
2	573,300
2	900,900
2	1,012,200
2	900,900
2	1,012,200
2	940,800
2	1,012,200
2	940,800
2	1,012,200
2	940,800
2	1,012,200
2	1,218,000
2	1,470,000
2	1,218,000
2	1,470,000
2	1,218,000
2	1,470,000
2	1,281,000
2	1,533,000
2	1,281,000
	4,650,555,000.00
864	587,520,000
96	76,320,000
245	52,675,000
	716,515,000.00
2,219,649	581,548,038

148,200	239,639,400
2,674,320	786,250,080
17,232	1,668,057,600
	3,275,495,118.00
31,459	266,898,156
	266,898,156.00
288	8,640,000
115	471,500,000
	480,140,000.00
38,400	20,966,400
3,499,080	1,872,007,800
	1,892,974,200.00
9,360	623,376,000
6,528	349,248,000
36,480	29,774,976,000
240	544,800,000
2,400	576,000,000
	31,868,400,000.00
40	792,960,000
48	639,828,000
10	44,730,000
48	53,827,200

8	123,984,000
48	743,904,000
10	20,947,500
2	2,572,500
2	7,581,000
2	8,221,500
2	7,799,400
2	3,360,000
2	63,955,500
2	39,879,000
2	39,879,000

2	343,182,000
2	9,439,500
14	433,650,000
4	33,600,000
144	3,810,240,000
144	3,810,240,000
4	75,255,600
6	112,883,400

4	208,761,000
4	105,840,000
4	105,840,000
4	71,225,700
4	170,184,000
2	85,092,000

6	115,479,000
12	213,677,100
2	42,315,000
2	48,972,000
2	41,580,000
6	106,838,550
6	17,766,000
2	4,662,000

48	40,320,000
16	47,544,000
2	32,844,000
4	14,658,000
43	373,390,500
6	6,715,800
2	257,460,000
17	1,988,490,000
36	2,698,920,000

8	1,029,840,000
4	53,802,000
4	94,374,000
10	273,000,000
2,400	530,208,000
12	47,754,000
12	22,050,000
12	83,790,000
96	708,624,000
120	885,780,000
72	2,471,364,000
480	4,026,708,000

1,200	8,366,400,000
144	1,062,936,000
2	326,970,000
2	326,970,000
144	837,421,200
72	418,710,600
2	83,790,000
2	119,364,000
2	17,976,000
2	21,966,000
2	21,966,000

6	68,040,000
18	131,166,000
72	326,592,000
48	143,136,000
480	2,212,560,000
2	31,962,000
2	25,977,000
2	25,977,000
2	25,977,000
41	341,817,000
2	31,899,000
	43,217,360,550.00
306,984	412,586,496
	412,586,496.00
741,571	7,973,371,392
115,212	1,396,023,804
159,600	1,994,202,000
165,168	693,705,600

29,808	1,011,564,288
	13,068,867,084.00
4	5,084,000
8	2,520,000
4	2,724,000
8	89,880,000
8	57,672,000
8	113,712,000
4	5,084,000
18	44,820,000
4	5,084,000
8	9,792,000
8	10,168,000
8	6,952,000
6	8,088,000
6	6,846,000
8	17,176,000
6	2,430,000
6	3,636,000
2	5,264,000
6	1,974,000
6	3,390,000
6	2,430,000

6	16,410,000
	421,136,000.00
10,128	25,320,000
89,420	321,912,000
414,720	58,060,800
5,040	7,560,000
48,456	72,684,000
64,961	225,089,865
153,826	113,831,240
1,053,062	252,734,880
4,608	64,512,000
	1,141,704,785.00
1,205	21,509,250
	21,509,250.00
88,848	335,845,440
24,000	58,464,000
	394,309,440.00
219,120	342,046,320
500,640	357,456,960
301,920	228,855,360
886,560	911,383,680
825,600	658,828,800
559,680	446,624,640
	2,945,195,760.00

180	2,268,000
	2,268,000.00
7,200	1,512,000,000
	1,512,000,000.00
144,288	577,152,000
2,640	6,996,000
480	21,600,000
	605,748,000.00
15,584	942,832,000
244	32,372,700
85,972	1,471,582,724
1,728	10,953,792
	2,457,741,216.00
266	24,099,600
64,080	191,599,200
15,504	226,048,320
20,712	362,460,000
1,392,000	116,928,000
228,096	2,148,436,224
170,400	276,048,000
916,992	4,253,925,888
275,520	99,187,200
4,375,200	1,225,056,000

3,384	3,891,600
179,520	133,742,400
254,880	142,987,680
358,320	45,864,960
864	7,257,600
888	4,195,800
182,400	603,744,000
4,320	16,416,000
657,600	411,000,000
	10,292,888,472.00
2	16,233,000
12	1,537,200
6	844,200
10	3,990,000
4	5,149,200
4	4,863,600
6	1,827,000
6	3,301,200
4	8,887,200
2	1,327,200
48	27,820,800
2	718,200
4	1,696,800
6	3,011,400

12	5,796,000
44	23,562,000
2	789,600
4	2,032,800
2	1,516,200
6	1,764,000
100	55,020,000
6	3,011,400
4	3,066,000
4	3,066,000
8	2,436,000
	183,267,000.00
102,000	530,400,000
9,360	3,828,988,800
	4,359,388,800.00
1,743,744	871,872,000
	871,872,000.00
1,355	474,250,000
	474,250,000.00
4,737,600	5,869,886,400
	5,869,886,400.00
66,090	64,305,570
46,032	9,068,304

4,848	30,542,400
18,720	18,476,640
12,000	79,200,000
87,360	53,988,480
749	36,963,150
187	15,016,100
276	3,764,640
12	163,680
2,544	45,613,920
1,526	38,607,800
7,608	212,567,520
24	35,280,000
	643,558,204.00
139,920	132,224,400
57,600	12,096,000
41,040	387,828,000
864	24,040,800
	556,189,200.00
79	671,500,000
	671,500,000.00
335,519	272,776,947
1,083,168	880,615,584

744,000	1,004,400,000
2,113,440	1,162,392,000
99,288	292,899,600
13,867	40,907,650
4,524	11,988,600
25,320	74,694,000
169,968	141,923,280
2,448	6,487,200
264	2,745,600
1,320	3,550,800
	3,895,381,261.00
19,200	562,176,000
	562,176,000.00
44,160	154,560,000
384,000	1,689,600,000
111,600	435,240,000
846,000	2,199,600,000
1,214,400	3,521,760,000

288,000	655,200,000
5,000	72,500,000
100,000	1,550,000,000
30,000	495,000,000
7,000	1,022,000,000
5,000	170,000,000
	11,965,460,000.00
11,520	5,322,240,000
12,000	936,000,000
	6,258,240,000.00
21,600	249,480,000
25	687,500,000
2,016	62,092,800
1,234	40,722,000
1,920	109,422,720
1,440	190,080,000
43,200	380,160,000
1,320,000	6,200,040,000
	7,919,497,520.00
112,394	539,491,200
29,578	443,670,000
1,680	1,512,000,000
	2,495,161,200.00

89	64,080,000
75	48,750,000
	112,830,000.00
9,600	699,072,000
312,000	1,840,800,000
2	64,400,000
2	129,600,000
29	39,550,896
29	87,000,000
29	194,590,000
	3,055,012,896.00
9,600	18,144,000

99,600	468,120,000
	486,264,000.00
234,840	2,958,984,000
26	14,300,000
	2,973,284,000.00
1,032	201,240,000
	201,240,000.00
173	256,798,605
144	325,684,800
115	311,390,100
29	85,177,785
154	636,014,610
3,072	5,690,280,960
5	138,325,000
108,000	220,104,000
1,728	677,678,400
4,320	429,559,200
1,728	235,146,240
2,400	204,372,000
49,051	4,856,784,765
17,280	1,358,985,600

8,640	1,409,788,800
86	17,545,204
	16,853,636,069.00
148,320	195,782,400
162,662	662,034,340
6,211	11,738,790
146,352	368,807,040
42,744	260,310,960
48,000	9,840,000
76,800	119,961,600
27,240	9,095,436,000
8,760	754,236,000
41,280	60,681,600
4,800	34,272,000
648,048	517,142,304
1,036,320	522,305,280
628,800	389,856,000
	13,002,404,314.00
806	72,168,434
80,400	82,410,000
	154,578,434.00
9,600	240,000,000

111,974	145,566,200
75,917	100,969,610
188,928	251,274,240
972,000	78,732,000
12	66,000,000
405,600	405,600,000
9,600	20,160,000
79,200	53,064,000
3,600	2,412,000
10	55,000,000
24,000	20,400,000
115,200	691,200,000
720	35,280,000
60,000	2,520,000,000
4,320	1,533,600,000
7,200	68,400,000
9,600	76,800,000
14,400	86,400,000
2,640	21,120,000

	6,471,978,050.00
115	362,250,000
1,248	169,041,600
192	29,568,000
158	34,760,000
72	15,840,000
60	315,000,000
3,612	758,520,000
	1,684,979,600.00
480	161,179,200
768	233,694,720
1,200	680,400,000
	1,075,273,920.00
60,000	3,383,100,000
8,640	431,827,200
	3,814,927,200.00
8,640	185,976,000
72,000	1,549,800,000
6,000	221,634,000
469,464	7,182,799,200
36,000	9,880,920,000
	19,021,129,200.00

17,280	8,778,067,200
51,840	13,553,568,000
	22,331,635,200.00
3,576	300,384,000
64,469	1,353,849,000
	1,654,233,000.00
57,600	2,592,000,000
36,000	2,155,680,000
	4,747,680,000.00
2,015,040	5,299,555,200
	5,299,555,200.00
70,800	6,442,800,000
	6,442,800,000.00
72,048	130,118,688
121,920	99,852,480
168,029	1,693,732,320
28,800	69,552,000
252	84,672,000
276	26,082,000
	2,104,009,488.00
12,086	222,080,250
43,200	1,564,920,000
509	30,399,516
259	20,722,590
	1,838,122,356.00

8,640	439,084,800
420	41,171,760
9,768	2,893,330,440
	3,373,587,000.00
1,488	706,800,000
77	61,985,000
	768,785,000.00